

LỜI MỞ ĐẦU

Xây dựng là một trong những ngành sản xuất vật chất tạo cơ sở hạ tầng là cơ sở tiền đề cho nền kinh tế quốc dân phát triển. Hàng năm ngành xây dựng đã thu hút được nhiều vốn trong tổng số vốn đầu tư trên cả nước. Với quy mô và đặc điểm của ngành là thời gian thi công kéo dài, do đó công tác đầu tiên là phải quản lý nguồn vốn đầu tư, có hiệu quả cao nhất, để tránh được tình trạng thất thoát và lãng phí trong sản xuất kinh doanh, từ đó làm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận và tăng uy tín cho doanh nghiệp.

Kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay thì việc hạ giá thành sản phẩm là con đường duy nhất để tăng lợi nhuận, nâng cao mức sống của công nhân viên trong doanh nghiệp và đó cũng là để tăng sức cạnh của doanh nghiệp trên thị trường của các doanh nghiệp sản xuất có hạch toán kinh doanh độc lập.

Giá thành sản xuất là một chỉ tiêu rất quan trọng nó góp phần không nhỏ đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vậy muốn hạ thấp giá thành sản phẩm thì doanh nghiệp phải hạ thấp mức chi phí, tức là phải sử dụng tiết kiệm vật tư, lao động, vốn để có một giá thành hợp lý làm sản phẩm không ngừng được nâng cao.

Để làm tốt công tác hạ giá thành thì phải dựa trên cơ sở hạch toán chi phí sản xuất giá thành một cách thật đầy đủ, chính xác và kịp thời. Từ đó giúp ích rất nhiều cho việc hạch toán kinh tế nội bộ của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho đòn bẩy kinh tế, tăng năng xuất lao động, hạ giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp, và đó cũng là cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, kiểm soát vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản và thu thuế của Nhà nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong quá trình tiếp xúc nghiên cứu thực tế tại Công ty Cổ Phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương em đã lựa chọn đề tài: "Hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ Phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương" làm chuyên đề khóa luận tốt nghiệp. Mục tiêu của đề tài là để thấy được thực tế

công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty, những ưu điểm và những mặt còn tồn tại cần hoàn thiện nhằm phát huy tác dụng của kế toán trong công tác quản lý kinh tế tài chính ở công ty.

Nội dung của luận văn tốt nghiệp ngoài “Lời nói đầu” và “Kết luận” bao gồm 3 phần sau:

Phần 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây dựng.

Phần 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương.

Phần 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương.

Do kiến thức và trình độ bản thân còn hạn chế nên luận văn của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô cũng như các cô chú trong phòng kế toán công ty để khoá luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy Dương Văn Biên và các cô chú, anh chị phòng kế toán công ty Cổ phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I:
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC TẬP HỢP
CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
XÂY LẮP Ở DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN, CỦA SẢN PHẨM XÂY LẮP – YÊU CẦU, NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ, HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH Ở DOANH NGHIỆP XÂY LẮP:

1.1. Đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây lắp:

Xây dựng cơ bản là một ngành sản xuất vật chất độc lập, mang tính chất công nghiệp, có chức năng tái sản xuất tài sản cố định cho nền kinh tế quốc dân. So với các ngành khác, xây dựng cơ bản có những đặc trưng riêng. Cụ thể như:

- Sản phẩm xây lắp là những công trình, vật kiến trúc có giá trị lớn, kết cấu phức tạp, mang tính chất đơn chiếc, thời gian xây dựng để hoàn thành sản phẩm có giá trị sử dụng thường dài.

- Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất, còn các điều kiện cần thiết cho quá trình sản xuất như các loại xe, máy móc thiết bị, nhân công phải di chuyển theo địa điểm đặt công trình. Mặt khác, việc xây dựng còn chịu tác động của địa chất, địa hình nơi thi công công trình và điều kiện thời tiết, khí hậu địa phương nên quá trình và điều kiện thi công thường mang tính bất ổn định, luôn biến động theo địa điểm xây lắp và theo từng giai đoạn thi công của công trình. Công tác quản lý và sử dụng tài sản, vật tư cho công trình thường rất phức tạp, đòi hỏi phải có mức giá cho từng loại công tác xây lắp cho từng vùng lãnh thổ.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với chủ đầu tư (giá đấu thầu), do đó tính chất hàng hóa của sản phẩm xây lắp không thể hiện rõ.

- Sản phẩm xây lắp từ khi khởi công đến khi hoàn thành thường kéo dài, thời gian hoàn thành phụ thuộc vào quy mô, tính phức tạp về kỹ thuật của từng công trình và cả cách thức tổ chức của doanh nghiệp trong sản xuất sản phẩm. Quá trình hoàn thiện sản phẩm thường chia làm nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn lại chia thành nhiều công đoạn khác nhau. Đặc điểm này đòi hỏi công tác tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ sao cho đảm bảo chất lượng công trình đúng thiết kế dự toán.

- Các công trình được thi công theo đơn đặt hàng và hợp đồng cụ thể, phụ thuộc vào yêu cầu của khách hàng và thiết kế kỹ thuật của công trình đó. Vì vậy khi thực hiện các đơn đặt hàng, các đơn vị xây lắp phải đảm bảo bàn giao đúng tiến độ, đúng kỹ thuật và chất lượng theo thiết kế đã được duyệt.

Những đặc điểm trên đã ảnh hưởng lớn đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp. Công tác kế toán vừa phải đáp ứng yêu cầu chung về chức năng, nhiệm vụ kế toán của một doanh nghiệp sản xuất, vừa phải đảm bảo phù hợp với đặc thù riêng của doanh nghiệp xây lắp.

1.2. Yêu cầu của công tác quản lý, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp:

Do đặc thù của ngành xây dựng cơ bản và của sản phẩm xây lắp đã làm cho việc quản lý về đầu tư xây dựng cơ bản khó khăn và phức tạp hơn các ngành sản xuất vật chất khác. Vì vậy đòi hỏi trong quá trình quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phải đáp ứng được yêu cầu:

+ Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phải đảm bảo tạo ra được những sản phẩm, dịch vụ được xã hội chấp nhận cả về giá cả và chất lượng, đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ. Đồng thời phải đảm bảo doanh nghiệp kinh doanh có lãi.

+ Xây dựng đúng tiến độ, chất lượng cao với chi phí hợp lý và thực hiện bảo hành công trình.

+ Do ngành xây dựng và sản phẩm xây lắp có những đặc thù riêng nên trong quá trình thi công, việc quản lý rất khó khăn, khả năng mất mát hư hỏng do

điều kiện khách quan và chủ quan rất dễ xảy ra. Vì vậy, việc quản lý, tổ chức, giám sát phải hết sức chặt chẽ.

+ Chi phí phát sinh trong hoạt động xây dựng cơ bản thường rất lớn và đa dạng. Do đó quá trình thi công đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ vật tư, tài sản, đảm bảo sử dụng chi phí tiết kiệm, hiệu quả cao. Điều đó đòi hỏi việc tổ chức quản lý sản xuất hạch toán sản phẩm xây lắp phải lập dự toán (cả dự toán trong thiết kế và dự toán trong thi công).

1.3 Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp:

+ Phản ánh đầy đủ, kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh.

+ Kiểm tra tình hình thực hiện các định mức chi phí, phát hiện kịp thời các khoản chênh lệch so với định mức, các chi phí khác ngoài kế hoạch, các khoản thiệt hại, mất mát hư hỏng trong sản xuất để đề xuất những biện pháp ngăn chặn kịp thời.

+ Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, hạng mục công trình, từng loại sản phẩm lao vụ dịch vụ, vạch ra khả năng và các biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý và có hiệu quả.

+ Tính toán giá thành một cách hợp lý, bàn giao, thanh toán kịp thời khối lượng xây dựng hoàn thành. Định kỳ kiểm tra và đánh giá khối lượng sản phẩm dở dang theo nguyên tắc quy định.

+ Kịp thời báo cáo về chi phí sản xuất, tính giá thành, kết quả kinh doanh của từng công trình xây lắp, cung cấp kịp thời các thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp.

Để thực hiện được yêu cầu trên đòi hỏi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý kinh tế. Trước hết là quản lý chi phí, giá thành, trong đó tập trung là công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP:

2.1. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp:

2.1.1. Khái niệm, bản chất chi phí sản xuất:

Trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống, lao động vật hóa và các loại hao phí cần thiết khác mà doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất, thi công trong một thời kỳ nhất định.

Độ lớn của chi phí sản xuất phụ thuộc vào 2 yếu tố chủ yếu:

- Khối lượng các yếu tố sản xuất đã tiêu hao trong kỳ.
- Giá cả của một đơn vị yếu tố sản xuất đã hao phí.

Tính cá biệt của chi phí trong doanh nghiệp xây lắp là tất cả các chi phí mà doanh nghiệp chi ra trong quá trình sản xuất (bất kể đó là chi phí cần thiết hay không cần thiết) đều phải bù đắp, nhưng không thể tính hết vào giá thành mà chỉ có những chi phí hợp lý mới trừ vào thu nhập chịu thuế.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp kinh doanh xây lắp phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình sản xuất nhưng để phục vụ cho quản lý và hạch toán, chi phí sản xuất phải được tính toán tập hợp cho từng thời kỳ: tháng, quý, năm phù hợp với kỳ báo cáo. Để xác định chi phí sản xuất trong từng thời kỳ thì chỉ tính vào chi phí sản xuất trong kỳ những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra trong kỳ. Trong doanh nghiệp xây lắp chi phí sản xuất gồm nhiều loại có tính chất và công dụng kinh tế khác nhau, yêu cầu quản lý đối với từng loại cũng khác nhau. Do đó, muốn tập hợp và quản lý tốt chi phí tất yếu phải phân loại chi phí sản xuất.

2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất:

Chi phí sản xuất của các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp bao gồm nhiều loại có nội dung khác nhau, vì vậy, để phục vụ cho công tác quản lý chi phí sản xuất và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, có thể tiến hành phân loại theo các tiêu thức khác

n nhau.. Thông thường chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp được phân loại theo các tiêu thức sau:

2.1.2.1. Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích, công dụng của chi phí (theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm):

Theo cách phân loại này, chi phí xây lắp gồm 4 khoản mục:

* Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là tất cả những chi phí về nguyên vật liệu, vật liệu chính, phụ hoặc các bộ phận rời, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp và giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp (không kể vật liệu dùng cho máy móc thi công và hoạt động sản xuất chung của doanh nghiệp).

* Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương, tiền công và các khoản phải trả trực tiếp cho công nhân phục vụ xây lắp, kể cả công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

* Chi phí sử dụng máy thi công: là toàn bộ chi phí về vật liệu, nhân công và các khoản chi phí khác có liên quan đến việc sử dụng máy thi công.

* Chi phí sản xuất chung: là các khoản chi phí liên quan đến việc tổ chức phục vụ, quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây dựng.

Cách phân loại này là cơ sở để tập hợp chi phí, tính giá thành theo khoản mục, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và là cơ sở xây dựng kế hoạch giá thành. Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và phương pháp lập dự toán trong xây dựng cơ bản là dự toán được lập cho từng đối tượng xây dựng theo các khoản mục giá thành nên phương pháp phân loại chi phí theo khoản mục là phương pháp được sử dụng phổ biến cho các doanh nghiệp xây dựng.

2.1.2.2. Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế của chi phí (theo yếu tố chi phí):

Theo quy định hiện hành thì chi phí sản xuất được chia thành 5 yếu tố:

* Chi phí nguyên vật liệu: bao gồm giá mua và chi phí mua của nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ: xi măng, sắt thép, gạch đá, cát,...

* Chi phí nhân công: yếu tố chi phí nhân công là các khoản phải trả cho người lao động, các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tiền lương của người lao động.

* Chi phí khấu hao tài sản cố định: gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất trong kỳ của doanh nghiệp

* Chi phí dịch vụ mua ngoài: là số tiền phải trả cho dịch vụ mua ngoài phục vụ cho các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

* Chi phí bằng tiền khác: là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất ngoài các yếu tố chi phí nói trên.

Theo cách này, doanh nghiệp xác định được kết cấu tỷ trọng của từng loại chi phí trong tổng chi phí sản xuất để lập Thuyết minh báo cáo tài chính, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất. Nó là cơ sở để lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức, đồng thời phục vụ cho nhu cầu của công tác quản trị trong kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở để lập định mức dự toán cho kỳ sau.

2.1.2.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng sản phẩm hoàn thành:

Theo cách này, chi phí được phân loại theo cách ứng xử của chi phí hay là xem xét sự biến động của chi phí khi mức độ hoạt động thay đổi. Chi phí được phân thành 3 loại:

* Biến phí: là những khoản chi phí thay đổi về tổng số khi có sự thay đổi về mức độ hoạt động của doanh nghiệp.

* Định phí: là những khoản chi phí cố định khi khối lượng công việc hoàn thành thay đổi.

* Chi phí hỗn hợp: là những loại chi phí mà bản thân nó gồm cả các yếu tố biến phí và định phí.

Cách phân loại trên giúp doanh nghiệp có cơ sở để lập kế hoạch, kiểm tra chi phí, xác định điểm hòa vốn, phân tích tình hình tiết kiệm chi phí, tìm ra phương hướng nâng cao chất lượng và giá thành sản phẩm.

2.1.2.4. Phân loại chi phí theo phương pháp quy nạp chi phí vào đối tượng kế toán chi phí:

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất kinh doanh được chia thành 2 loại:

* Chi phí trực tiếp: là những chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí. Chúng có thể được quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng chi phí.

* Chi phí gián tiếp: là những chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí khác nhau, không thể quy nạp trực tiếp cho từng đối tượng tập hợp chi phí mà phải tập hợp theo từng nơi phát sinh chi phí, sau đó quy nạp cho từng đối tượng theo phương pháp phân bổ gián tiếp.

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp lựa chọn được phương pháp tập hợp chi phí phù hợp, lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ chi phí vào từng đối tượng để tính toán giá thành hợp lý, tìm biện pháp không ngừng giảm chi phí gián tiếp, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư của doanh nghiệp. Nó cung cấp thông tin cho việc quản trị doanh nghiệp, việc đưa ra quyết định đầu tư vốn vào bộ phận nào là hợp lý.

Ngoài các cách phân loại trên, chi phí còn được phân loại theo nhiều cách khác nhau phụ thuộc vào phương pháp tiếp cận và mục đích khác nhau.

2.2. Giá thành sản phẩm xây lắp:

2.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp:

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ chi phí sản xuất tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành đến giai đoạn quy ước, đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và chấp nhận thanh toán.

Trong doanh nghiệp xây dựng, giá thành sản phẩm xây lắp mang tính cá biệt, mỗi công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp sau khi hoàn

thành có giá thành riêng và giá bán có trước khi xác định được giá thành thực tế của công trình đó. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, một số doanh nghiệp xây dựng đã linh hoạt, chủ động xây dựng một số công trình (chủ yếu là các công trình dân dụng như: nhà ở, văn phòng, cửa hàng...), sau đó bán lại cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thì giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp được xác định trước giá bán.

Giá thành sản phẩm xây lắp là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Sử dụng chi phí hợp lý, hạ giá thành tới mức tối đa là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp tăng khả năng trúng thầu, tạo việc làm và tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

2.2.2. Phân biệt chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp:

Về bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp đều là biểu hiện bằng tiền của lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm. Chi phí sản xuất là cơ sở để hình thành nên giá thành.

Tuy nhiên, giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có sự khác nhau về phạm vi và mặt lượng. Chi phí sản xuất gắn với một thời kỳ nhất định, còn giá thành sản phẩm lại tính cho một công trình, hạng mục công trình hay khối lượng xây lắp hoàn thành. Giá thành liên quan đến chi phí của khối lượng xây lắp kỳ trước chuyển sang nhưng lại không bao gồm chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ.

$$Z = DDDK + C - DDCK$$

Trong đó:

Z : Giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao

DDDK , DDCK : Trị giá khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

C : Tổng chi phí phát sinh trong kỳ.

Chi phí sản xuất của công tác xây lắp thống nhất với giá thành sản phẩm xây lắp về mặt lượng trong trường hợp đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành là một công trình, hạng mục công trình được hoàn thành trong kỳ tính giá thành hoặc giá trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ và đầu kỳ bằng nhau. Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp có quan hệ mật thiết với nhau, tài liệu kế toán tập hợp chi phí sản xuất là căn cứ để tính giá thành sản phẩm. Nếu coi tính giá thành sản phẩm là công việc chủ yếu trong công tác kế toán thì kế toán chi phí sản xuất có tính chất quyết định đến tính chính xác của việc tính giá thành sản phẩm xây lắp.

2.2.3. Các loại giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp:

Để giúp cho việc quản lý tốt giá thành sản phẩm xây lắp, kế toán cần phân biệt các loại giá thành khác nhau. Đối với các doanh nghiệp xây lắp, cách phân loại giá thành được áp dụng chủ yếu là: phân loại theo thời điểm và cơ sở số liệu tính giá thành. Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm xây lắp được chia thành 4 loại:

1. Giá thành dự toán:

Giá thành dự toán là tổng chi phí dự toán để hoàn thành sản phẩm xây lắp (công trình, hạng mục công trình).

Giá thành dự toán được xây dựng trên cơ sở các định mức và đơn giá chi phí do Nhà nước quy định (đơn giá bình quân khu vực thống nhất). Giá thành này nhỏ hơn giá trị dự toán ở phần thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng đầu ra.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán} \\ \text{công trình, hạng} \\ \text{mục công trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành dự} \\ \text{toán công trình,} \\ \text{hạng mục công} \\ \text{trình} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế tính trước} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế GTGT} \\ \text{đầu ra} \end{array}$$

Giá thành dự toán là hạn mức chi phí cao nhất mà đơn vị có thể chi ra để đảm bảo kinh doanh có lãi, là tiêu chuẩn để đơn vị xây dựng phần đấu tiết kiệm chi phí, hạ thấp mức giá thành thực tế và là căn cứ để chủ đầu tư thanh toán cho doanh nghiệp khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu.

Theo chế độ kế toán hiện hành, giá thành dự toán được sử dụng để đánh giá sản phẩm dở dang

2. Giá thành kế hoạch công trình xây lắp:

Giá thành kế hoạch là giá thành được xây dựng trên cơ sở những điều kiện cụ thể của doanh nghiệp về các định mức, đơn giá, biện pháp tổ chức thi công. Giá thành kế hoạch được tính toán, xây dựng trước khi thi công công trình, hạng mục công trình, do bộ phận kế hoạch thực hiện.

Giá thành kế hoạch thường nhỏ hơn giá thành dự toán xây lắp ở mức hạ giá thành kế hoạch.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá thành} & & \text{Giá thành dự toán} & & \text{Mức hạ giá thành} \\ \text{kế hoạch} & = & \text{xây lắp} & + & \text{kế hoạch} \end{array}$$

Giá thành kế hoạch là cơ sở để doanh nghiệp phần đấu hạ giá thành sản phẩm, tiết kiệm chi phí, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

3. Giá thành định mức:

Là tổng số chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở đặc điểm kết cấu của công trình, về phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đạt được tại doanh nghiệp, công trình tại thời điểm bắt đầu thi công.

Khi đặc điểm kết cấu công trình thay đổi, hay có sự thay đổi về phương pháp tổ chức, về quản lý thi công thì định mức sẽ thay đổi và khi đó giá thành định mức được tính toán lại cho phù hợp.

4. Giá thành thực tế công trình xây lắp:

Giá thành thực tế là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành sản phẩm xây lắp. Giá thành thực tế được xây dựng trên cơ sở số liệu kế toán về chi phí sản xuất đã tập hợp được cho sản phẩm xây lắp thực hiện trong kỳ. Đây là chỉ tiêu tổng hợp, phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tiết kiệm các loại chi phí, xác định kết quả sản xuất trong kỳ.

Hiện nay trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp, giá thành được báo cáo theo hai chỉ tiêu sau:

- Giá thành thực tế công trình, hạng mục công trình: Bao gồm toàn bộ chi phí thực tế phát sinh kể từ khi khởi công thi công công trình đến khi hoàn thành bàn giao. Chỉ tiêu này cho phép đánh giá một cách tổng quát hiệu quả kinh tế vốn đầu tư cho một công trình, hạng mục công trình nhưng lại không có tác dụng đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành. Vì vậy cần phải xác định giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành quy ước.

- Giá thành thực tế khối lượng công tác xây lắp hoàn thành quy ước: là toàn bộ chi phí bỏ ra để tiến hành sản xuất một khối lượng công tác xây lắp nhất định trong một thời gian nhất định, thường là một quý và phải đảm bảo các điều kiện sau:

- + Phải nằm trong thiết kế và đảm bảo chất lượng thiết kế quy định
- + Phải đo đếm được và được chủ đầu tư (bên A) chấp nhận thanh toán
- + Phải đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý, kịp thời

Giá thành thực tế khối lượng công tác xây lắp hoàn thành quy ước phản ánh kịp thời chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thi công xây lắp trong kỳ, giúp doanh nghiệp phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và có các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành. Tuy nhiên chỉ tiêu này không phản ánh một cách toàn diện và chính xác giá thành thực tế của khối lượng công tác xây lắp. Vì vậy, trong quản lý giá thành cần phải sử dụng cả hai chỉ tiêu giá thành thực tế khối

lượng xây lắp hoàn thành quy ước và giá thành thực tế công trình, hạng mục công trình.

Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công, của việc tổ chức công tác xây lắp đòi hỏi phải so sánh các loại giá thành trên với nhau nhưng phải đảm bảo tính thống nhất về thời điểm và cách tính trong quá trình so sánh và so sánh này phải thực hiện trên cùng một đối tượng xây lắp. Giữa ba loại giá thành này thường có mối quan hệ về mặt lượng như sau:

Giá thành dự toán \geq Giá thành kế hoạch \geq Giá thành thực tế

So sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch cho thấy mức độ hạ giá thành của doanh nghiệp.

So sánh giá thành thực tế với giá thành dự toán phản ánh chỉ tiêu tích lũy của doanh nghiệp, từ đó có thể dự định khả năng của doanh nghiệp trong năm tới.

So sánh giá thành thực tế với giá thành định mức cho thấy mức độ hoàn thành định mức đã đề ra của doanh nghiệp đối với từng khối lượng xây lắp cụ thể.

Ngoài ra trong xây dựng cơ bản còn sử dụng hai chỉ tiêu giá thành sau:

- Giá đấu thầu xây lắp: là một loại giá dự toán do chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp xây lắp căn cứ vào đó tính toán giá thành của mình. Nếu doanh nghiệp thấy giá thành của mình thấp hơn giá đấu thầu thì sẽ tăng giá đấu thầu công tác xây lắp.

- Giá hợp đồng công tác xây lắp là loại giá thành dự toán ghi trong hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và doanh nghiệp xây lắp sau khi thoả thuận giao thầu.

III. TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP:

3.1. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp:

3.1.1. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất:

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí trong doanh nghiệp xây lắp là phạm vi và giới hạn để tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ theo phạm vi và giới hạn

đó. Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là khâu đầu tiên trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất. Thực chất của việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là xác định nơi gây ra chi phí hoặc đối tượng chịu chi phí.

Để xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp cần căn cứ vào các yếu tố sau:

- Địa điểm phát sinh chi phí và công dụng của chi phí trong sản xuất
- Tính chất sản xuất, đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm (giản đơn hay phức tạp... quá trình sản xuất liên tục hay kiểu song song).
- Loại hình sản xuất: sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt.
- Đặc điểm sản xuất: có hay không có bộ phận công trường, tổ đội thi công
- Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp
- Đơn vị tính giá thành áp dụng ở doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp xây dựng do những đặc điểm về sản xuất, về tổ chức sản xuất và quá trình sản xuất nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường được xác định là từng công trình, hạng mục công trình hay theo từng đơn đặt hàng hoặc tổ đội thi công.

Trên cơ sở đặc điểm sản xuất sản phẩm xây lắp và phương pháp lập dự toán, toàn bộ các chi phí sản xuất xây lắp được chia theo khoản mục. Trong quan hệ với công tác xây lắp gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí chung.

3.1.2. Đối tượng tính giá thành:

Đối tượng tính giá thành là các sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành đòi hỏi phải tính giá thành và giá thành đơn vị.

Trong doanh nghiệp xây lắp do tổ chức sản xuất đơn chiếc nên đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình xây lắp, các giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá trị dự toán riêng hoàn thành.

Cũng như khi xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất, việc xác định đối tượng tính giá thành cũng là khâu đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành. Bộ phận kế toán giá thành khi xác định đối tượng tính giá thành phải căn cứ vào:

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, loại hình sản xuất, tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể của doanh nghiệp.
- Căn cứ vào quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.
- Căn cứ vào yêu cầu và trình độ quản lý của cán bộ kế toán.

3.1.3. Mối quan hệ giữa đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành:

- Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là căn cứ mở các sổ kế toán chi tiết để tập hợp chi phí sản xuất, mở tài khoản chi phí, đảm bảo cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành kịp thời, chính xác, tạo điều kiện tăng cường quản lý, hạch toán chi phí nội bộ.

- Đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán tổ chức các bảng tính giá thành sản phẩm theo từng đối tượng nhất định, lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp để tổ chức công việc tính giá thành khoa học, hợp lý, phục vụ kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.

Tuy vậy, giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành lại có mối quan hệ mật thiết với nhau:

Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể tương ứng phù hợp với một hoặc nhiều đối tượng tính giá thành.

Tương ứng với nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là một đối tượng tính giá thành hoặc nhiều đối tượng tính giá thành.

Xem xét mối quan hệ giữa đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành để vận dụng phương pháp tính giá thành phù hợp.

3.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp:

3.2.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp:

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là cách thức mà kế toán sử dụng để tập hợp, phân loại các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong một kỳ theo các đối tượng tập hợp chi phí đã xác định và mở sổ chi tiết một cách phù hợp.

Tùy thuộc từng điều kiện cụ thể của doanh nghiệp xây lắp có thể vận dụng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp

1. Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp: Phương pháp này áp dụng với những chi phí phát sinh chỉ liên quan đến một đối tượng tập hợp chi phí. Khi chi phí phát sinh sẽ được quy nạp trực tiếp cho đối tượng đó.

2. Phương pháp tập hợp và phân bổ gián tiếp: Theo phương pháp này các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí đã xác định mà kế toán không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng thì kế toán sẽ tập hợp toàn bộ chi phí sau đó tiến hành phân bổ cho từng đối tượng cụ thể theo tiêu chuẩn hợp lý.

3.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp:

3.2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

** Nội dung, phương pháp tập hợp:*

Trong tổng chi phí sản phẩm xây lắp thì chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn (khoảng 70%). Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp là những chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình xây lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không bao gồm vật liệu, nguyên vật liệu sử dụng cho máy thi công và sử dụng cho quản lý đội công trình.

Việc tập hợp chi phí sản xuất nguyên vật liệu trực tiếp vào đối tượng có thể tiến hành theo phương pháp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.

Kế toán áp dụng phương pháp tập hợp trực tiếp đối với những chi phí vật liệu liên quan đến một công trình, hạng mục công trình. Áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp khi chi phí vật liệu dùng vào việc xây dựng nhiều hạng mục công trình mà không thể tập hợp trực tiếp.

Phương pháp gián tiếp được áp dụng trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau. Để phân bổ cho nhiều đối tượng cần phải xác minh lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý. Tiêu thức đó phải đảm bảo mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa tổng số chi phí cần phân bổ với tiêu thức phân bổ của đối tượng. Tiêu thức cần phân bổ như sau:

$$H = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ (Ci)}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ (ti)}}$$

H: Tỷ lệ (hệ số) phân bổ

Số chi phí phân bổ cho từng đối tượng : $C_i = t_i \times H$

Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số liệu thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời phải hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi (nếu có) theo từng đối tượng công trình tạo điều kiện tập hợp, tính giá thành một cách chính xác.

** Tài khoản sử dụng:*

Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. TK 621 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình, từng khối lượng xây lắp, các giai đoạn quy ước đạt điểm dừng kỹ thuật có dự toán riêng.

- Bên nợ: Phản ánh giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp thi công công trình, hạng mục công trình trong kỳ.

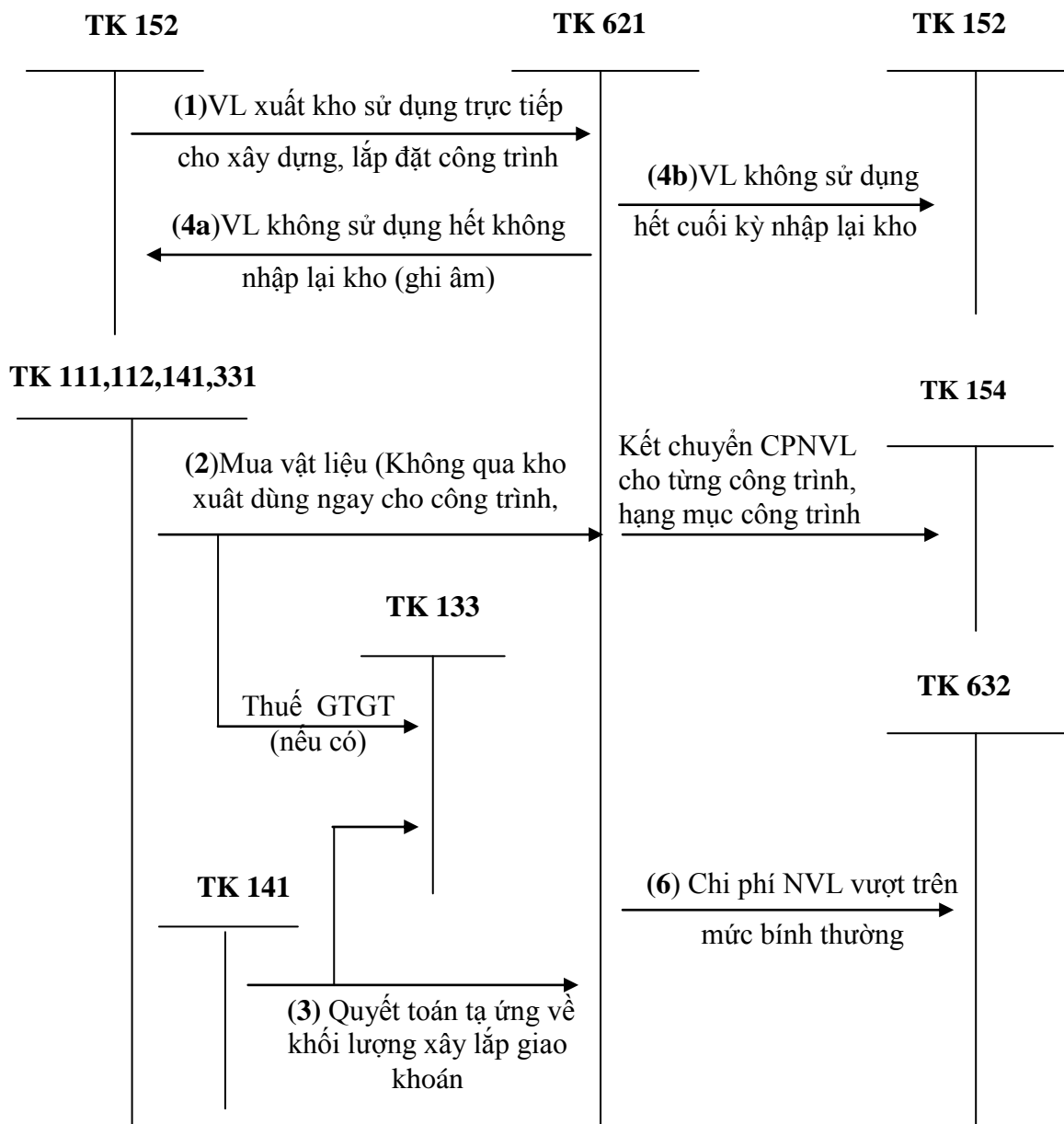
- Bên có: + Phản ánh giá trị nguyên vật liệu dùng không hết nhập vào kho.

+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

+ Kết chuyển chi phí nhiên liệu, vật liệu trực tiếp vượt mức bình thường vào TK 632 – Giá vốn hàng bán

* *Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:*

Sơ đồ số 1:



3.2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

** Nội dung, phương pháp tập hợp:*

Chi phí nhân công trực tiếp là các khoản chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ lao vụ trong doanh nghiệp xây lắp. Chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất xây lắp bao gồm các khoản phải trả cho người lao động thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài theo từng loại công việc.

Trong khoản mục chi nhân công trực tiếp không bao gồm tiền lương công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công, tiền lương công nhân vận chuyển ngoài cự ly thi công, không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên quỹ lương công nhân trực tiếp sản xuất.

Nội dung hạch toán lao động tiền lương:

- Hạch toán thời gian lao động

Việc hạch toán thời gian lao động được tiến hành theo từng loại nhân viên, theo từng công việc được giao và cho từng đối tượng hạch toán chi phí và giá thành sản phẩm. Theo dõi thời gian lao động được tiến hành trên bảng chấm công. Các chứng từ sau khi được kiểm tra, chứng nhận ở đội sản xuất, các phòng ban có liên quan được chuyển về phòng kế toán công ty. Kế toán tiền lương lấy đây là cơ sở tính lương theo dõi trên tài khoản chi phí liên quan.

- Hạch toán khối lượng công việc giao khoán:

Chứng từ ban đầu sử dụng để hạch toán là “Hợp đồng lao động” hoặc “Hợp đồng giao khoán”. “Hợp đồng giao khoán” được ký theo từng công việc, giai đoạn công việc, theo hạng mục công trình hoàn thành và được xác nhận kết quả rồi chuyển về phòng kế toán làm căn cứ tính lương.

- Tính lương, trả lương và tổng hợp bảng phân bổ tiền lương:

Hàng tháng, căn cứ vào bảng chấm công, hợp đồng lao động và các chứng từ có liên quan khác để làm chứng từ thanh toán lương và việc kiểm tra việc trả lương

cho cán bộ công nhân viên. Bảng thanh toán tiền lương được lập hàng tháng theo từng đội sản xuất, bộ phận thi công và các phòng ban.

Tiền lương là một trong những yếu tố vật chất kích thích người lao động trong việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao và tăng năng suất lao động. Để đạt được chức năng công cụ phục vụ cho sản xuất, cho điều hành quản lý lao động tiền lương có hiệu quả kinh tế cần phải hạch toán tốt khoản mục chi phí này

** Tài khoản sử dụng:*

Phản ánh chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “ Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản 622 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

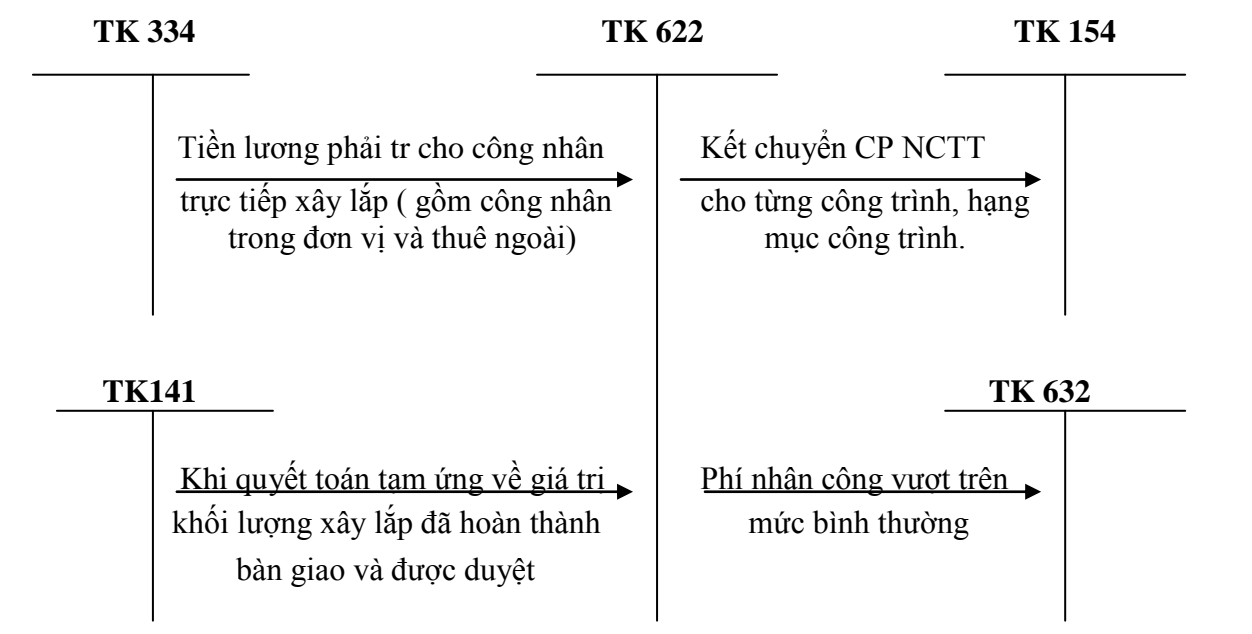
- Bên nợ: Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm, không bao gồm các khoản trích theo quy định 19% trên lương của công nhân trực tiếp sản xuất thuộc biên chế doanh nghiệp.

- Bên có: + Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào chi phí kinh doanh dở dang.

+ Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK 632.

** Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:*

Sơ đồ số 2:



3.2.2.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công:

** Nội dung, phương pháp tập hợp:*

Máy móc thi công trong doanh nghiệp xây lắp là các loại máy phục vụ trực tiếp cho sản xuất xây lắp như: máy trộn bê tông, trộn vữa, cần trục, cần cẩu, xúc đất, xan nền... Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về sử dụng máy để hoàn thành khối lượng xây lắp bao gồm: chi phí khấu hao cơ bản, chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa nhỏ, động lực, tiền lương thợ điều khiển máy và các chi phí khác của đội máy thi công.

Do đặc điểm của đội máy thi công trong xây dựng cơ bản mà chi phí sử dụng máy thi công chia làm hai loại:

- Chi phí tạm thời: là những chi phí có liên quan đến việc tháo lắp, chạy thử, vận chuyển, dịch chuyển máy.

- Chi phí thường xuyên: những chi phí hàng ngày cần thiết cho việc sử dụng máy thi công bao gồm: khấu hao thiết bị, tiền thuê máy, lương chính của công nhân điều khiển máy...

Việc hạch toán chi phí máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công, có thể tổ chức đội máy thi công chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy cho các đối tượng xây lắp hoặc thuê ngoài thi công.

** Tài khoản sử dụng:*

Để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài khoản 623 “ Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công, vừa thi công bằng máy. Không hạch toán vào tài khoản này các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) của công nhân sử dụng máy thi công.

TK 623 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 6231 – Chi phí nhân công

TK 6232 – Chi phí vật liệu

TK 6233 – Chi phí dụng cụ

TK 6234 – Chi phí khấu hao máy thi công

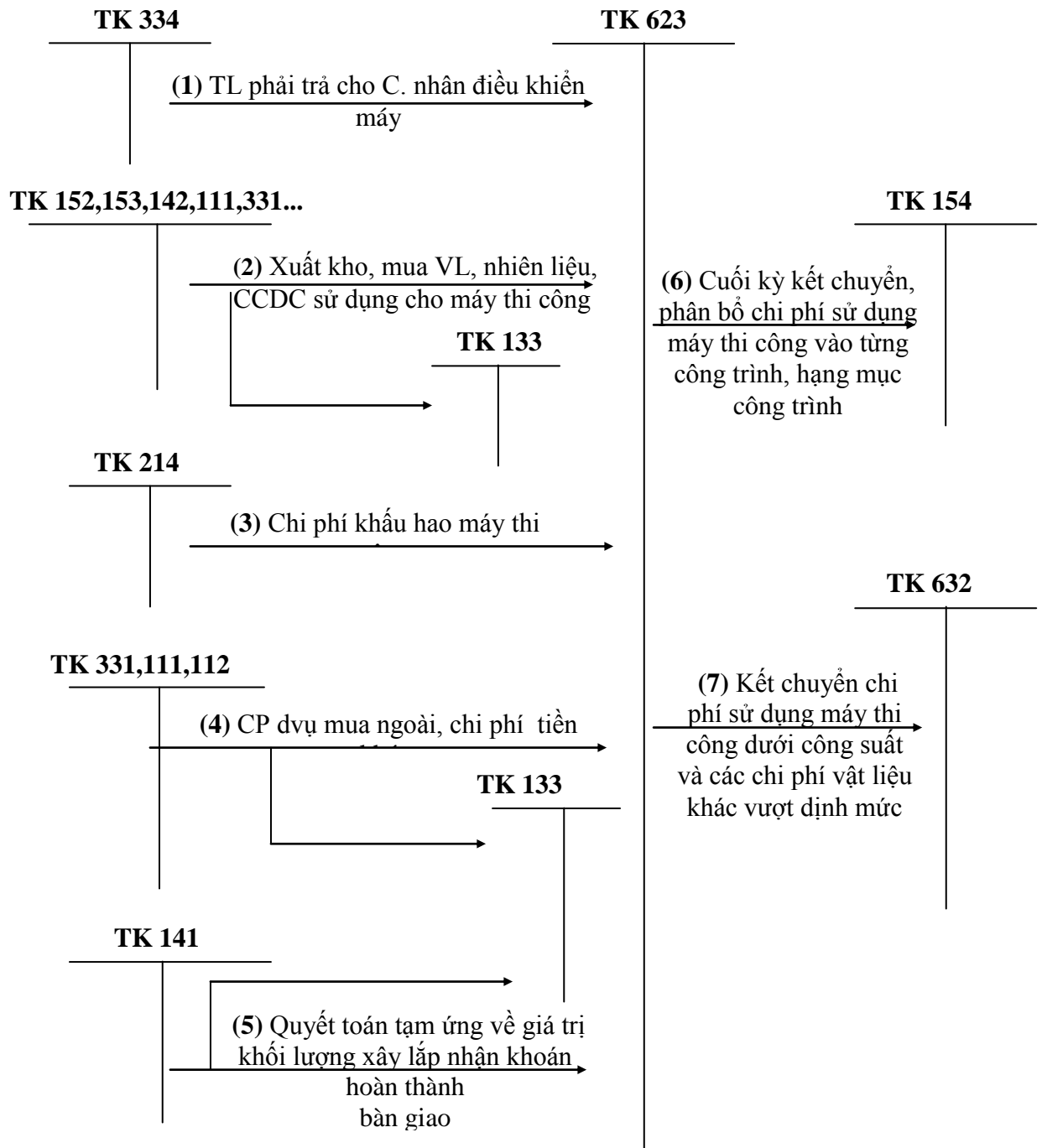
TK 6237 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6238 – Chi phí bằng tiền khác

**Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:*

- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp không tổ chức đội máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức các đội máy thi công riêng biệt nhưng không tổ chức kế toán riêng cho các đội máy thi công và thực hiện phương thức tổ chức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó, phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình

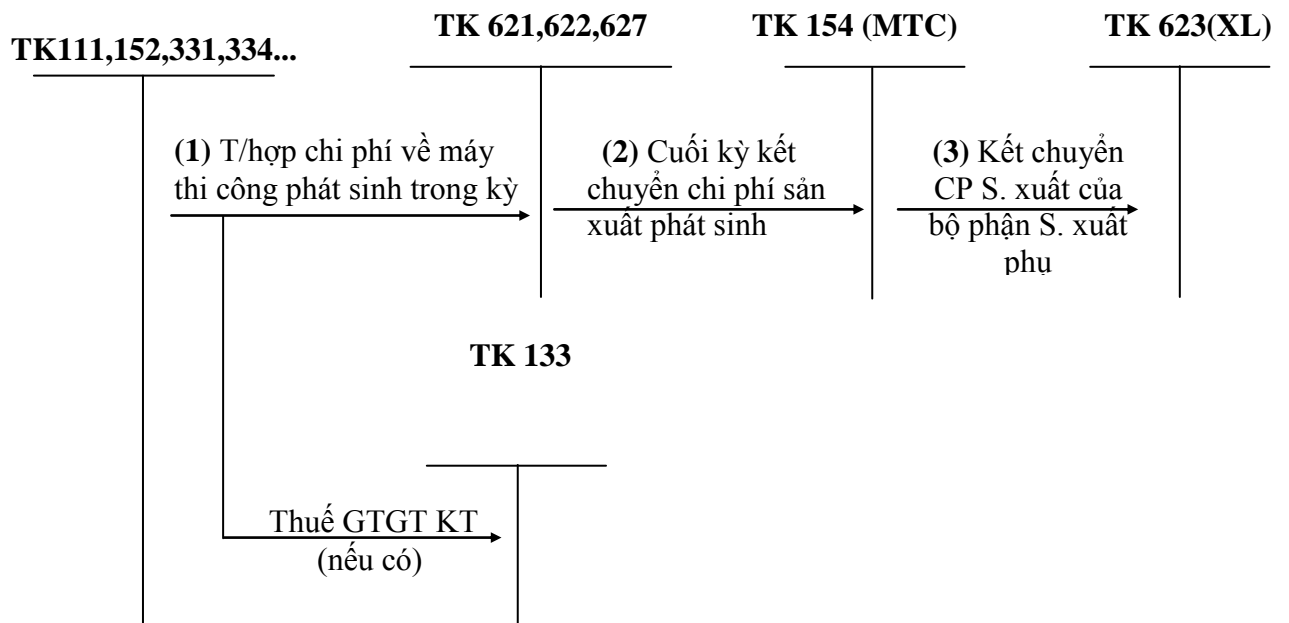
Sơ đồ số 3:



- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp có đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy tổ chức hạch toán kế toán riêng thì tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung chứ

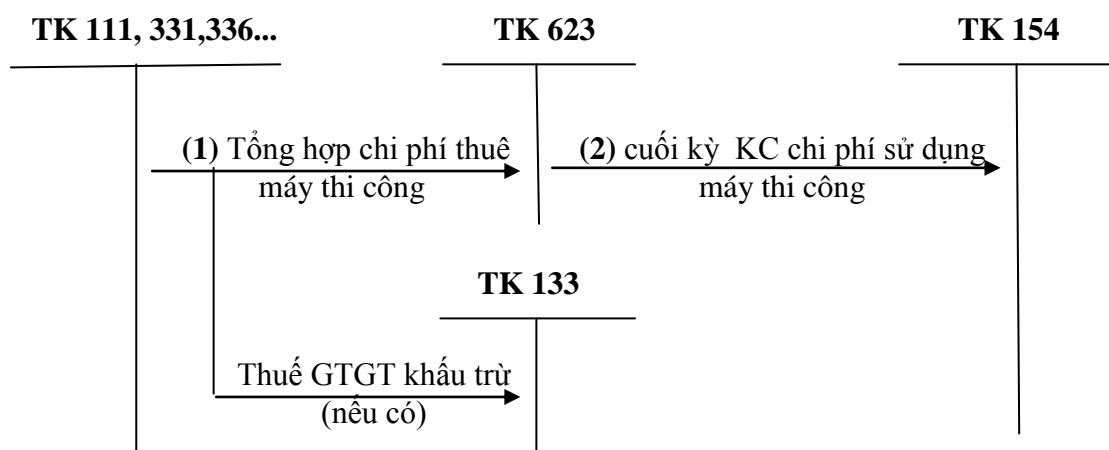
không phản ánh vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó các khoản mục này được kết chuyển để tính giá thành cho một ca máy thực hiện và cung cấp cho các đội xây lắp.

Sơ đồ số 4:



- Trường hợp doanh nghiệp xây lắp thuê ngoài ca máy thi công (hoặc có tổ chức kế toán riêng ở đội máy thi công – thực hiện theo phương thức bán lao vụ máy thi công cho các đơn vị xây lắp) thì doanh nghiệp không theo dõi chi phí phát sinh thực tế mà chỉ theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp hoàn thành đã bàn giao.

Sơ đồ số 5:



3.2.2.4. Kế toán chi phí sản xuất chung:

** Nội dung, phương pháp tập hợp:*

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của các Đội xây lắp ở các công trường xây dựng, không được tính trực tiếp cho từng đối tượng cụ thể. Chi phí này bao gồm tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương phải trả công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế của doanh nghiệp) theo tỷ lệ quy định (19%) và các chi phí khác. Những chi phí khác thường được xác định và cũng có khoản chi phí khác không lường trước được như chi phí tát nước, vét bùn,... Khi phát sinh chi phí này, kế toán sẽ hạch toán vào TK 627 – chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho từng đối tượng theo phương pháp gián tiếp.

** Tài khoản sử dụng:*

Phản ánh chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”.

TK 627 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 6271 – Chi phí nhân viên đội sản xuất

TK 6272 – Chi phí vật liệu

TK 6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274 – Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 – Chi phí bằng tiền khác

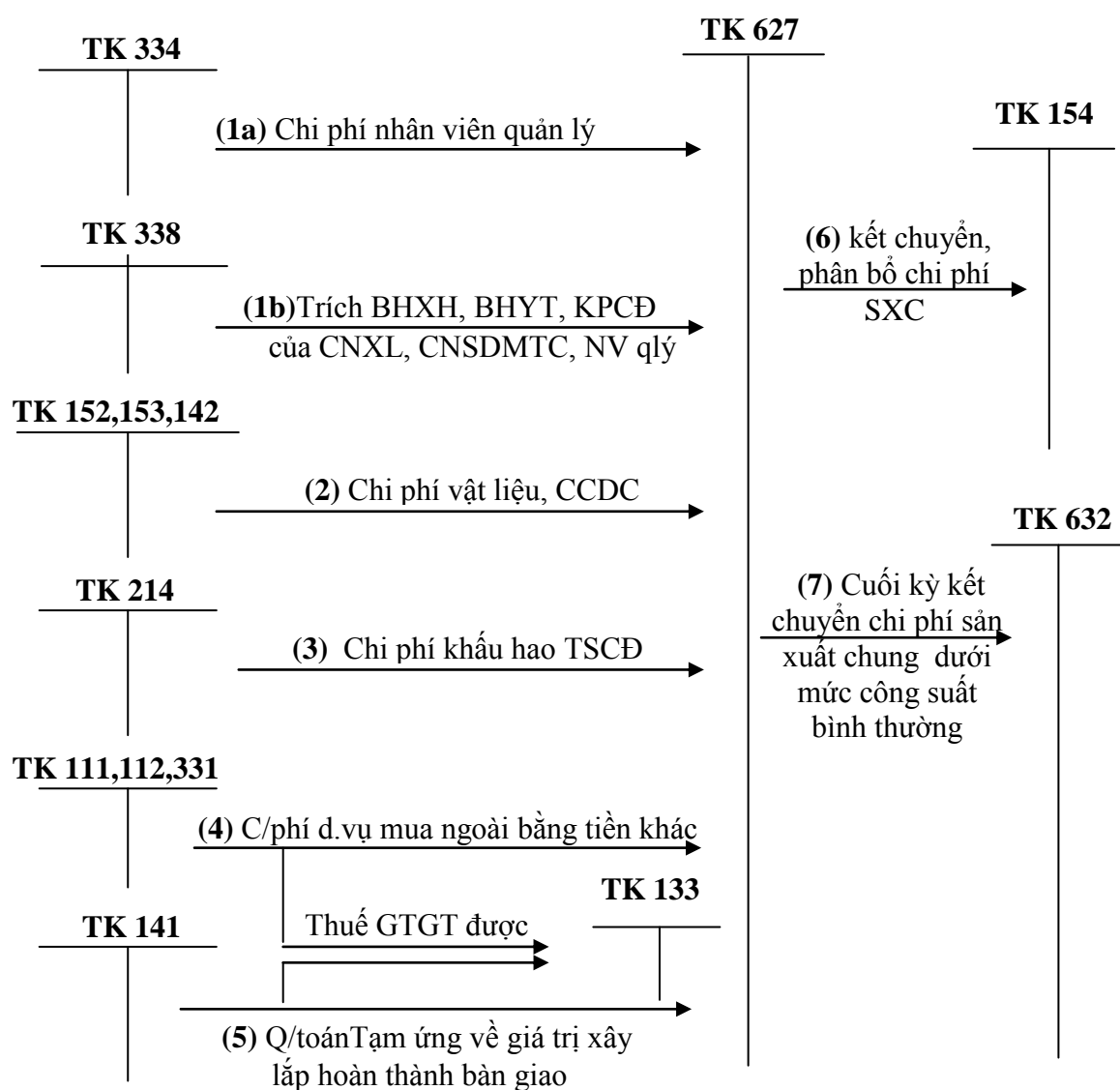
- Bên nợ: phản ánh các khoản chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên có: + Kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

+ Chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận vào TK 632 – Giá vốn hàng bán trong kỳ do mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường.

**Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:*

Sơ đồ số 6:



3.2.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất:

**Nội dung, phương pháp tập hợp:*

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm xây lắp thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ các chi phí phát sinh cho các đối tượng tập hợp chi

phí đã được xác định. Việc tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành phải thực hiện theo từng công trình, hạng mục công trình và các khoản mục chi phí đã được quy định.

**Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”(nếu DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên) TK 154 được mở chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (Đội sản xuất, công trường, phân xưởng...), theo từng công trình, hạng mục công trình hoặc nhóm hạng mục công trình, chi tiết cho từng loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ khác. Sử dụng TK 631 “Giá thành sản xuất” (nếu DN hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ).

TK 154 có 4 tài khoản cấp 2:

TK 1541 – xây lắp

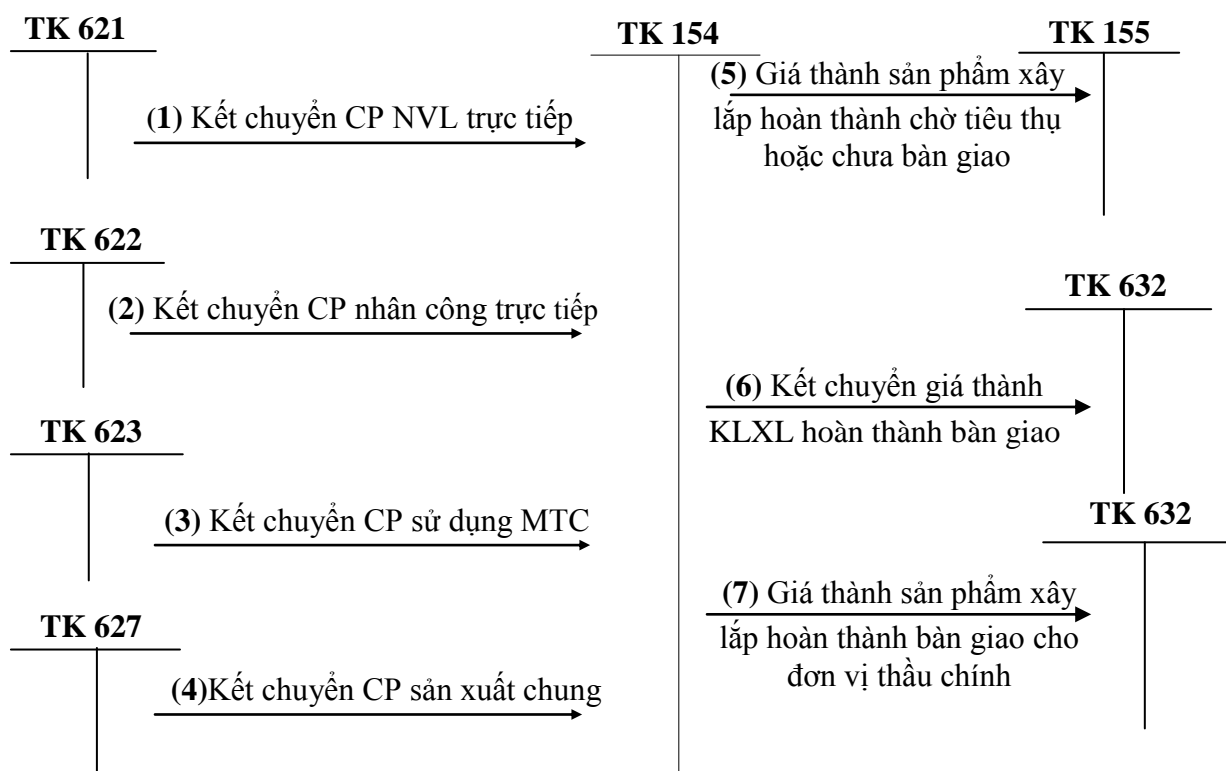
TK 1542 – sản phẩm khác

TK 1543 – dịch vụ

TK 1544 – chi phí bảo hành xây lắp

**Trình tự kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:*

Sơ đồ số 7:



3.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp:

3.2.3.1. Ý nghĩa của việc đánh giá sản phẩm dở dang:

Sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp có thể là công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành, khối lượng xây lắp thi công dở dang chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán.

Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần chi phí sản xuất cho khối lượng làm dở cuối kỳ theo những nguyên tắc nhất định.

Chi phí sản xuất tính cho sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ được tính toán trên cơ sở phân bổ chi phí xây lắp thực tế phát sinh cho các khối lượng công việc hay giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành trên cơ sở tiêu thức phân bổ là giá trị dự toán hay chi phí dự toán. Trong đó các công việc hay giai đoạn xây lắp dở dang có thể được tính theo mức độ hoàn thành.

Chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$DDCK = \frac{DDĐK + C}{C_{dt} + C'_{dt}} \times C'_{dt}$$

Trong đó:

- DDĐK, DDCK : Chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.
- C : Chi phí xây lắp thực tế phát sinh.
- C_{dt} : Chi phí dự toán (giá trị dự toán) của khối lượng hay giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ dự toán.
- C'_{dt} : Chi phí (giá trị) của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán tính theo mức độ hoàn thành tương đương.

3.2.3.2. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang:

** Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán:*

Theo phương pháp này, chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối kỳ}
 \end{array}
 = \frac{\begin{array}{l} \text{CP thực tế của KL} \\ \text{xây lắp dở dang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CP thực tế của KL} \\ \text{xây lắp thực hiện} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{CPKL xây lắp hoàn} \\ \text{thành bàn giao trong} \\ \text{kỳ theo dự toán} \end{array}} + \begin{array}{l} \text{CP của KL xây lắp} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{theo dự toán} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí của KL} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{đã tính chuyển} \\ \text{theo dự toán} \end{array}$$

** Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo tỷ lệ hoàn thành tương đương:*

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối kỳ}
 \end{array}
 = \frac{\begin{array}{l} \text{CP thực tế KL xây} \\ \text{lắp dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CP thực tế của KL} \\ \text{xây lắp trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{CP KL xây lắp} \\ \text{hoàn thành bàn giao} \\ \text{trong kỳ theo dự} \\ \text{toán} \end{array}} + \begin{array}{l} \text{CP KL xây lắp} \\ \text{DDCK đã tính đổi} \\ \text{theo slượng hoàn} \\ \text{thành tương đương} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Chi phí KL xây} \\ \text{lắp DDCK tính} \\ \text{chuyển theo sản} \\ \text{lượng hoàn thành} \\ \text{tương đương} \end{array}$$

** Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo giá trị dự toán:*

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở dang} \\
 \text{cuối kỳ}
 \end{array}
 = \frac{\begin{array}{l} \text{CP thực tế KL xây} \\ \text{lắp dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CP thực tế KL} \\ \text{xây lắp trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán của} \\ \text{KL xây lắp hoàn} \\ \text{thành bàn giao} \\ \text{trong kỳ} \end{array}} + \begin{array}{l} \text{Giá trị dự toán} \\ \text{KL xây lắp ddck} \\ \text{đã tính chuyển} \\ \text{theo slượng hoàn} \\ \text{thành} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị dự} \\ \text{toán của} \\ \text{khối lượng} \\ \text{xây lắp dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

3.2.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp:**3.2.4.1. Nguyên tắc hạch toán chi phí vào giá thành sản phẩm xây lắp:**

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm xây lắp thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ các chi phí phát sinh cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định.

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán tính giá thành cần phải tiến hành tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Tùy theo đặc điểm của từng đối tượng tính giá thành và mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành mà áp dụng phương pháp tính giá thành thích hợp.

3.2.4.2. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp:*** Phương pháp tính giá thành giản đơn:**

Phương pháp này áp dụng với trường hợp đối tượng tính giá thành trùng với đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo. Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí phát sinh được tập hợp cho công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì:

$$Z = Ddk + C - Dck$$

Trong đó:

Z : Giá thành của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

Ddk, Dck : Chi phí dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

C : Chi phí phát sinh trong kỳ.

Nếu các công trình, hạng mục công trình có thiết kế khác nhau nhưng cùng thi công trên một địa điểm do một Đội công trình sản xuất đảm nhiệm và không có điều kiện theo dõi quản lý riêng việc sử dụng các chi phí khác nhau cho từng công

trình, hạng mục công trình thì chi phí sản xuất đã tập hợp được trên toàn bộ công trình, hạng mục công trình đều phải được phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình. Khi đó, giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình là:

$$Gdt_i \times H$$

Trong đó:

H : Tỷ lệ phân bổ giá thành thực tế.

$$H = \frac{\sum C}{\sum Gdt} \times 100\%$$

$\sum C$: Tổng chi phí thực tế của các công trình, hạng mục công trình

$\sum Gdt$: Tổng dự toán của tất cả các công trình

Gdt_i : Giá trị dự toán của công trình thứ i

**Phương pháp tổng cộng chi phí.*

Đối với các công trình, hạng mục công trình phải qua nhiều giai đoạn thi công thì giá thành thực tế của từng công trình, hạng mục công trình được tính như sau:

$$Z = Dđk + C1 + C2 + \dots + Cn - Dck$$

Trong đó:

Z : Giá thành thực tế của toàn bộ công trình, hạng mục công trình

$C1, C2, \dots, Cn$: Chi phí xây dựng công trình ở từng giai đoạn

$Dđk, Dck$: Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ, cuối kỳ

Phương pháp này cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành trong mỗi kỳ báo cáo.

**Phương pháp tính giá thành theo định mức:*

Theo phương pháp này, giá thành được xác định:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực} & & \text{Giá thành} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch do} \\ \text{tế của sản} & = & \text{định mức của} & \pm & \text{thay đổi định} & \pm & \text{thoát ly định} \\ \text{phẩm xây lắp} & & \text{sp xây lắp} & & \text{mức} & & \text{mức} \end{array}$$

Trong đó:

Giá thành định mức là giá định mức của các chi tiết cấu thành nên sản phẩm xây lắp và giá thành sản phẩm của từng giai đoạn của từng công trình hạng mục công trình.

$$\text{Chênh lệch do thay đổi định mức} = \text{định mức cũ} - \text{định mức mới}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Chênh lệch thoát ly} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí định mức} \\ \text{định mức} & = & \text{(theo từng khoản mục)} & - & \text{(theo từng khoản mục)} \end{array}$$

Áp dụng phương pháp này có tác dụng trong việc kiểm tra tình hình thực hiện định mức dự toán chi phí sản xuất, tình hình sử dụng hợp lý tiết kiệm hiệu quả hay lãng phí sản xuất ngay cả khi chưa có sản phẩm hoàn thành. Giảm bớt khối lượng tính toán của kế toán nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp.

**Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng*

Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu các công trình theo đơn đặt hàng, khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng đã hoàn thành. Chu kỳ sản xuất của mỗi đơn đặt hàng thường dài, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất. Chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành mới tính giá thành. Kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này, kế toán giá thành mở cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh được tập hợp lại theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập

hợp được cũng chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó. Trong trường hợp nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm đó của từng đơn đặt hàng sẽ là chi phí của khối lượng xây lắp dở dang.

IV. HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN SỬ DỤNG ĐỂ TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP:

Sổ kế toán tổng hợp: Tùy theo từng hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, kế toán sẽ tổ chức hệ thống sổ kế toán tương ứng với từng hình thức để thực hiện kế toán các chỉ tiêu tổng hợp về chi phí sản xuất. Nhưng ở hình thức nào cũng có chung hình thức sổ cái tổng hợp, mỗi tài khoản kế toán tổng hợp được mở một sổ cái và nó đều phản ánh một chỉ tiêu về chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp. Nó cung cấp các chỉ tiêu thông tin để lập báo cáo tài chính về chi phí giá thành. Cụ thể:

- Theo hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, thì sổ kế toán tổng hợp bao gồm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 621, TK622, TK 623, TK627, TK 154.

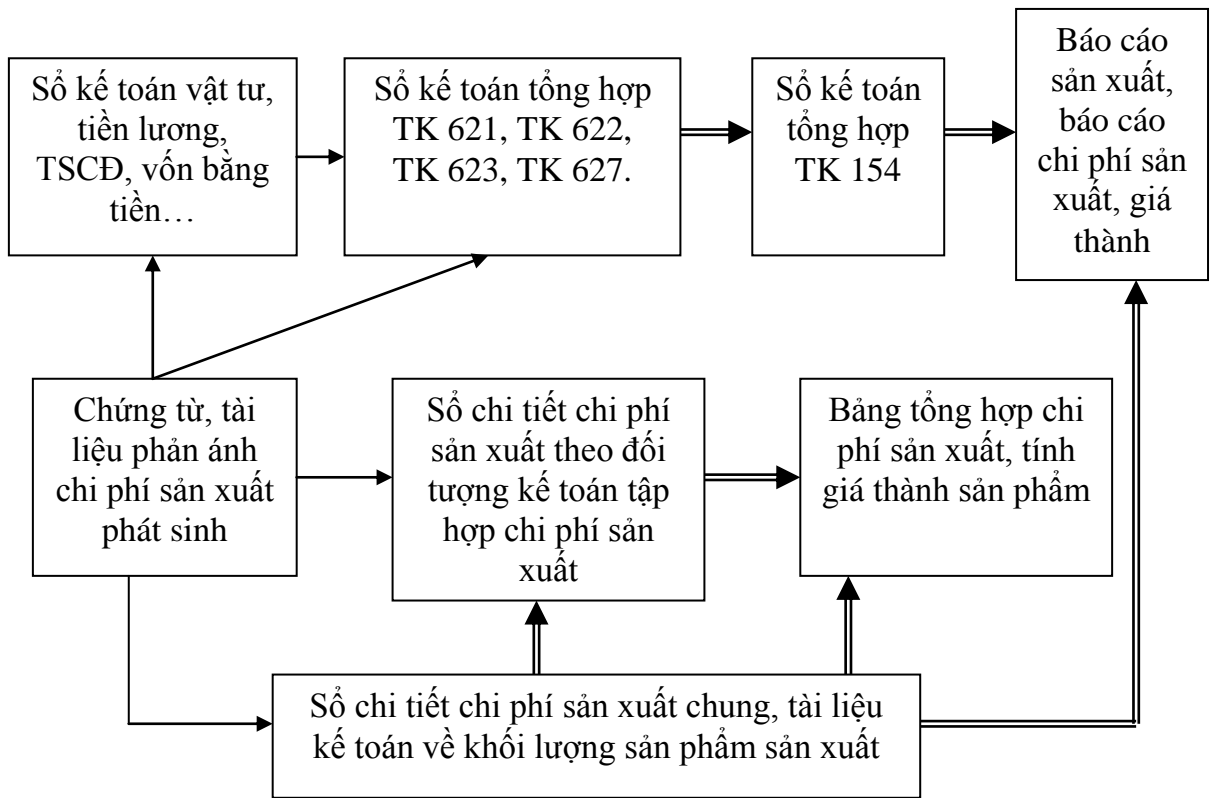
- Theo hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ”, hệ thống sổ kế toán tập hợp là các nhật ký chứng từ, sổ cái TK 621, TK622, TK 623, TK 627, TK154, các bảng kê và bảng phân bổ.

- Theo hình thức kế toán “ nhật ký chung”, hệ thống sổ kế toán tổng hợp bao gồm: sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái TK 621, TK 622, TK 623, TK 627, TK 154.

Sổ kế toán chi tiết : Tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về chi phí sản xuất và giá thành mà kế toán sẽ mở các sổ chi tiết để kế toán các chỉ tiêu chi tiết về chi phí sản xuất đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin về các doanh nghiệp. Thông thường mở sổ chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Quy trình ghi sổ kế toán và báo cáo chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm:

Sơ đồ số 8:



Ghi chú:

→	Ghi hàng ngày
⇒	Ghi định kỳ
↔	Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HIỆP PHƯƠNG

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HIỆP PHƯƠNG

1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty:

Công ty CP Xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương được thành lập từ tháng 9 năm 2006. Là đơn vị kế thừa tổ chức cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ, cán bộ kỹ thuật, cán bộ lành nghề của Đại lý Vận tải và xây dựng giao thông Hải Phòng có từ năm 1993 và hoạt động theo đăng ký kinh doanh số 0203002534 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 14/9/2006.

Trụ sở hoạt động kinh doanh và giao dịch của công ty tại số 278 Đường Đà Nẵng - Quận Hồng Bàng – Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.852623

FAX : 0313852623

Vốn điều lệ của công ty: 2.600.000.000 VND

Mã số thuế: 0200688841

Công ty vay tín dụng tại ngân hàng Techcombank- Hải Phòng với mã tài khoản: 10920210641017

Lĩnh vực kinh doanh của công ty: xây dựng công trình giao thông dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước, nạo vét sông biển, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải, tư vấn thiết kế giám sát công trình, kinh doanh nhà kho bãi.

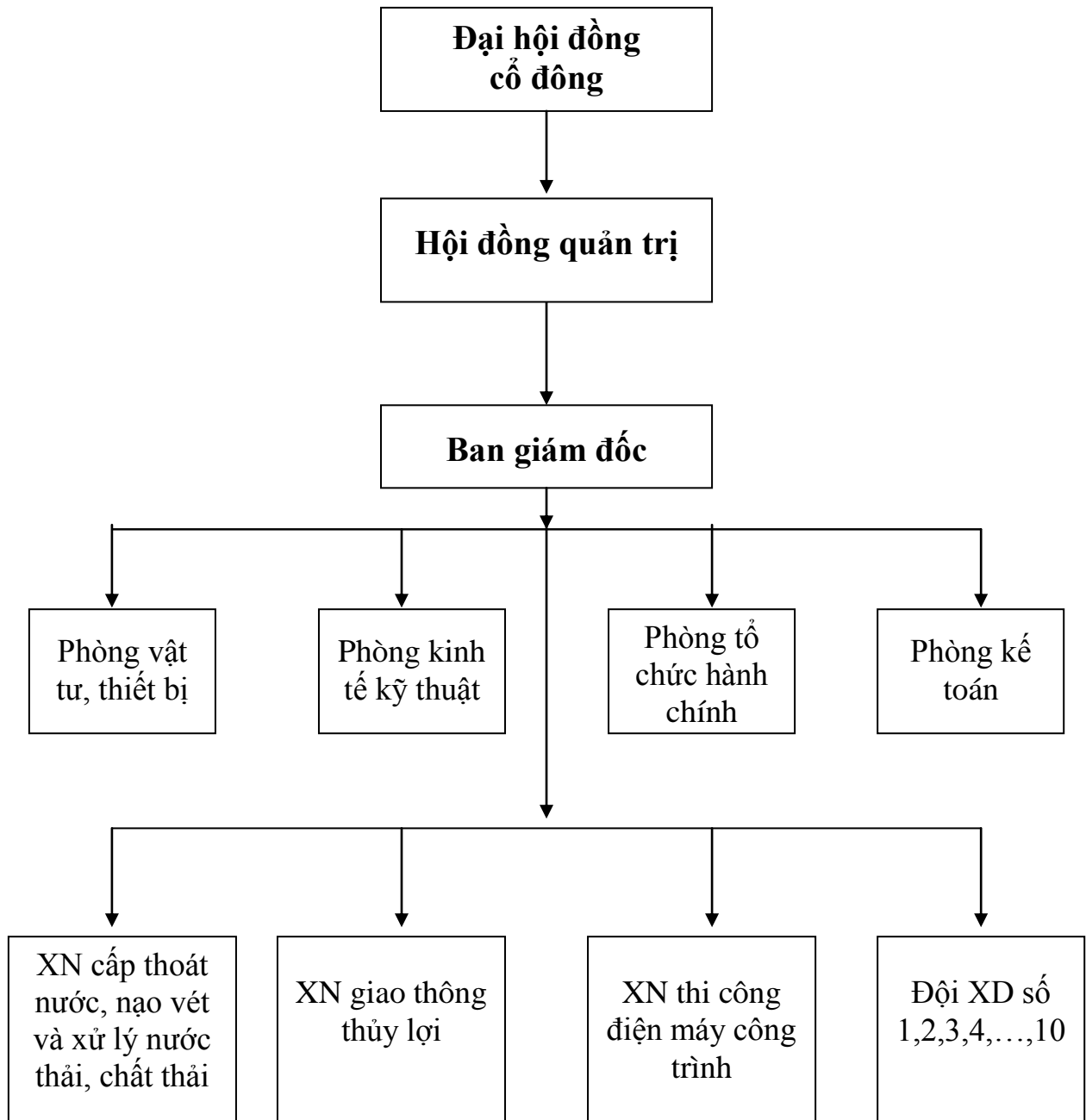
Công ty có một khu kho, bãi nằm trên đường Lê Hồng Phong, được xây dựng khá khang trang, tiện nghi để kinh doanh cho thuê làm nơi để hàng hóa, vật liệu, vật tư... Đây là vị trí rất thuận lợi cho việc kinh doanh của công ty. Khoảng cách gần với các điểm chính của thành phố như: cảng Hải Phòng, sân bay Cát Bi.

1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh của công ty:

1.2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý hành chính của công ty:

Để có thể hiểu rõ bộ máy quản lý hành chính của Công ty ta xem xét sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty:

Tùy vào quy mô và nhiệm vụ của mỗi bộ phận, công ty đã xác định các vấn đề như đối tượng hoạt động, chức năng và nhiệm vụ, địa điểm, thời gian, số lượng nhân viên, định mức lao động và việc thực hiện các khâu công việc. Vì vậy mối quan hệ chức năng giữa các bộ phận quản lý đã được tăng cường và phát huy năng lực công việc của các bộ phận.

+ Ban giám đốc: là người được giao trách nhiệm quản trị doanh nghiệp, là người có quyền cao nhất trong doanh nghiệp, có nhiệm vụ quyết định chiến lược, điều hành sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi mặt hoạt động sản xuất và đời sống của doanh nghiệp.

+ Phòng kinh tế kỹ thuật: là phòng chức năng của công ty, chịu trách nhiệm quản lý các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, kiểm tra chất lượng của công trình.

+ Phòng tổ chức hành chính: quản lý công tác cán bộ và nhân lực, tổ chức lao động và tiền lương, đào tạo, thi đua, đời sống và phát triển của công ty.

+ Phòng kế toán: tổ chức tài chính kế toán theo đúng pháp luật do Nhà nước ban hành, cập nhật các chứng từ về xuất, nhập hàng hóa, các chi phí, ghi chép, hạch toán, kế toán, tổng hợp phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty mỗi quý, năm tài khóa. Ngoài ra còn có nhiệm vụ tìm kiếm, quản lý vốn và nguồn vốn cho đơn vị, quan hệ với các đơn vị tài chính trên địa bàn.

+ Phòng vật tư thiết bị: quản lý nhập, xuất vật tư thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị cho các công trình xây dựng.

1.3 Đặc điểm bộ máy tổ chức kế toán và hình thức kế toán tại công ty:

1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty:

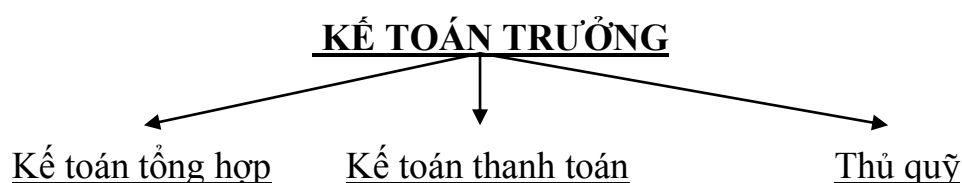
Hạch toán kế toán là công cụ quan trọng phục vụ điều hành và quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, tổ chức công tác hạch toán kế toán một cách khoa học và hợp lý có vai trò rất quan trọng. Công ty đã chú trọng tới việc tổ chức công tác kế toán để thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao, đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung thống nhất theo phương thức trực

tiếp của giám đốc, kế toán trưởng đến các nhân viên. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo loại hình tập trung trực tuyến.

Các bộ phận khác trong công ty như các xí nghiệp trực thuộc không có tổ chức kế toán riêng mà chỉ lập chứng từ phát sinh tại đơn vị đó rồi định kỳ tổ chức kế toán riêng mà chỉ lập chứng từ phát sinh tại đơn vị đó rồi định kỳ gửi chứng từ đó về phòng kế toán. Mọi nhân viên kế toán được điều hành trực tiếp từ một người lãnh đạo là kế toán trưởng công ty.

Phòng kế toán của công ty gồm 4 người, trong đó có 1 kế toán trưởng, 2 kế toán viên, 1 thủ quỹ.

CƠ CẤU PHÒNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN



+ Kế toán trưởng: tham mưu cho ban giám đốc các vấn đề về tài chính, trực tiếp báo cáo cho giám đốc về tình hình tài chính của công ty. Tổ chức điều hành, chỉ đạo bộ máy kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Chịu trách nhiệm thanh toán với ngân sách nhà nước, tổ chức quản lý, bảo quản, lưu trữ chứng từ, kiểm tra, giám sát tình hình của công ty.

+ Kế toán tổng hợp: là người giúp việc cho kế toán trưởng, thay thế kế toán trưởng khi kế toán trưởng vắng mặt. Chịu trách nhiệm hạch toán tổng hợp các phần kế toán của kế toán viên, trực tiếp kiểm tra tổng hợp số liệu định kỳ, lập các báo cáo trình kế toán trưởng, kiểm nhiệm các phần công nợ với người bán, theo dõi các khoản vay và thanh toán với ngân hàng.

+ Kế toán thanh toán: theo dõi công nợ, thu chi tiền mặt, lập phiếu thu chi tiền mặt khi có chứng từ và hóa đơn hợp lệ. Thanh toán trả lương cho cán bộ công nhân

viên. Theo dõi các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng như các giao dịch tiền gửi, rút tiền, đối chiếu số dư trên tài khoản. Theo dõi ghi chép toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh.

+ Thủ quỹ: quản lý tiền mặt, tiến hành thu chi tiền trong ngày.

1.3.2. Hình thức kế toán công ty áp dụng:

Với thực trạng của công ty là một doanh nghiệp quy mô vừa, bộ phận kế toán ít người, các nghiệp vụ phát sinh trong ngày không lớn nên hình thức kế toán được áp dụng tại công ty là Nhật ký chung.

1.3.3. Các loại sổ kế toán sử dụng:

Để phản ánh một cách liên tục và có hệ thống sự biến động của từng tài sản, từng nguồn vốn và quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán phải sử dụng nhiều loại sổ kế toán khác nhau.

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, đang sử dụng các loại sổ sau:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ kế toán chi tiết vật tư, sổ theo dõi công nợ, sổ theo dõi tạm ứng, sổ theo dõi nguồn hàng, sổ theo dõi các khoản phải thu khác.
- Các loại bảng kê, bảng tổng hợp, bảng cân đối.

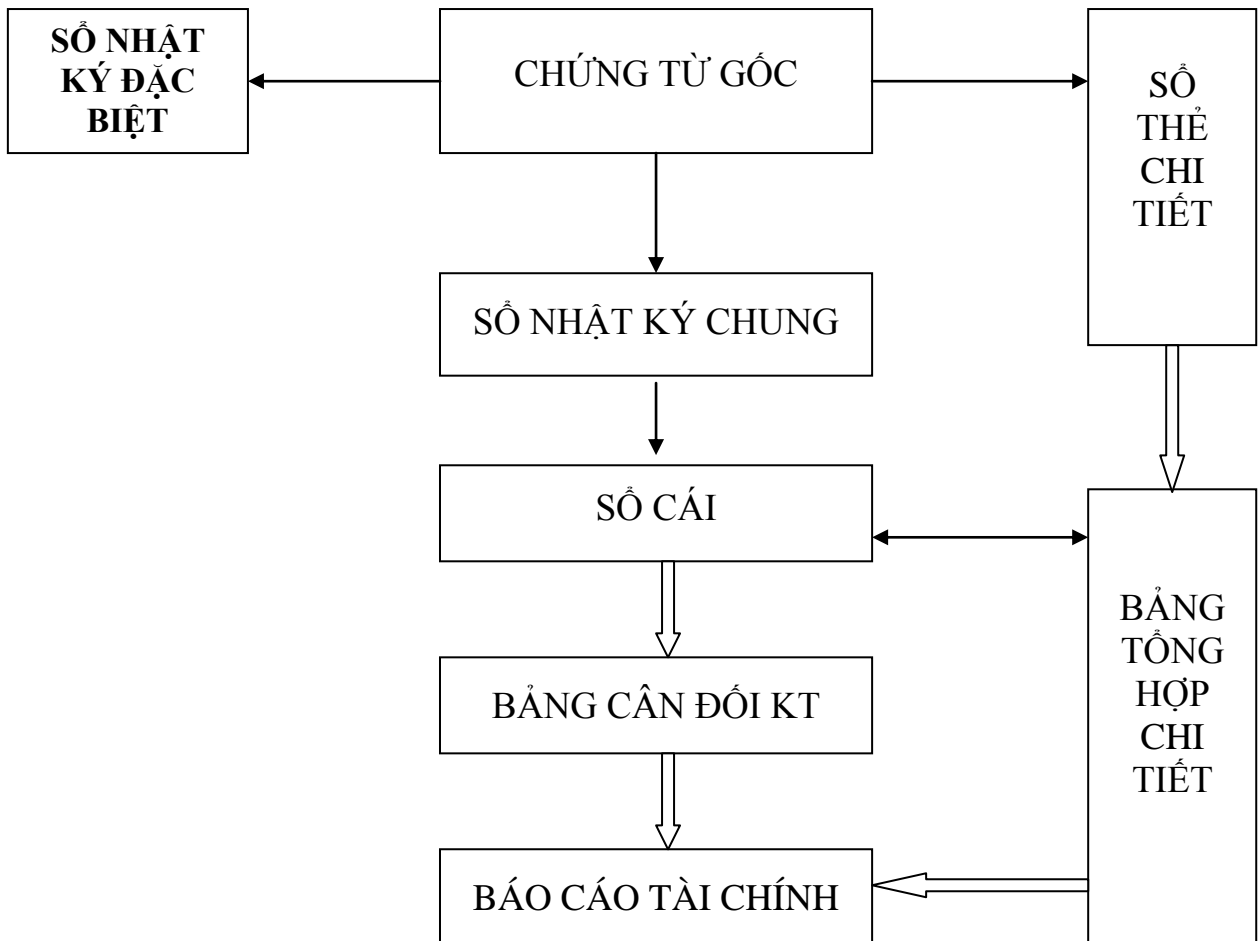
Tất cả các loại sổ, bảng biểu, báo cáo kế toán của công ty đều được in dưới dạng sổ.

1.3.4. Trình tự ghi sổ kế toán:

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, các đối tượng cần theo dõi chi tiết, kế toán ghi vào sổ nhật lý chung. Đồng thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan, sau đó chuyển ghi vào các sổ cái có liên quan. Sau khi kiểm tra số liệu trên có khớp đúng với số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết không, kế toán tiến hành lập các báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán được minh họa qua sơ đồ sau:

QUÁ TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ



⇨ : ghi cuối tháng hoặc định kỳ

→ : ghi hàng ngày

↔ : quan hệ đối chiếu

II. THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HIỆP PHƯƠNG:

2.1. Nguyên tắc hạch toán chi phí vào giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương:

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, công ty phải bỏ ra những chi phí sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung. Do đó công ty tiến hành phân loại từng nhân tố sản xuất trong cơ cấu giá thành nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý đồng thời có thể kiểm tra, giám sát chặt chẽ những khoản mục chi phí phát sinh. Những khoản chi phí khác như chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính không hạch toán vào chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Các công trình trước khi bước vào thi công, phòng kinh tế kỹ thuật phải lập dự toán thiết kế trình lên các cấp xét duyệt và phân cấp, từ đó làm cơ sở để lập hợp đồng kinh tế. Các dự toán công trình xây dựng được lập theo từng hạng mục công trình và được phân tích theo từng khoản mục chi phí. Do đó việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng được phân tích theo từng khoản mục chi phí. Từ đó làm cơ sở so sánh kiểm tra việc thực hiện các khoản mục chi phí với từng khoản mục giá thành dự toán, giúp cho việc phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2.2. Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương:

Cũng như hầu hết các công ty xây lắp khác trong ngành, công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương luôn quan tâm và coi trọng đúng mức việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xuất phát từ đặc điểm ngành xây dựng cũng như đặc thù của sản phẩm xây lắp, để đáp ứng tốt yêu cầu của công tác quản

lý, công tác kế toán... công ty đã xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình nhận thầu, từng đơn đặt hàng riêng biệt.

Công ty sử dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp. Các chi phí liên quan đến đối tượng nào thì tập hợp theo đối tượng đó, còn đối với các chi phí không liên quan đến một đối tượng mà lại liên quan đến nhiều đối tượng thì cuối kỳ kế toán tiến hành phân bổ theo các tiêu thức như: phân bổ theo định mức tiêu hao vật tư, theo định mức chi phí nhân công trực tiếp, theo tỷ lệ sản lượng, theo giá dự toán... tùy theo công trình mà lựa chọn tiêu thức cụ thể và phù hợp với từng công trình.

Công ty đã tham gia rất nhiều công trình. Mỗi công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành đều được mở sổ chi tiết để theo dõi tập hợp các khoản mục chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Cuối mỗi tháng căn cứ vào các chứng từ gốc chi phí sản xuất của tất cả các công trình hạng mục công trình trong tháng kế toán nhập dữ liệu để theo dõi chi phí sản xuất riêng từng công trình.

Do công ty thi công nhiều công trình, hạng mục công trình nên trong phạm vi đề tài này em xin lấy số liệu của công trình sửa chữa cải tạo đường trục xã Quang Trung đoạn đê từ sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên từ cọc 38 đến cọc D19. Công trình được nhận theo hình thức chỉ định thầu giữa bên giao thầu là ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng huyện An Lão và bên nhận thầu là công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương với đại diện là ông Phạm Văn Việt - giám đốc công ty. Công trình bắt đầu khởi công ngày 01/01/2007 và hoàn thành bàn giao ngày 30/9/2007.

2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí NVL trực tiếp tại công ty bao gồm NVL chính, NVL phụ, vật liệu luân chuyển dùng trực tiếp cho quá trình sản xuất thi công công trình.

- Nguyên vật liệu chính bao gồm bê tông cốt thép, dây cáp, gạch đá, xà sừ... các chi phí nguyên vật liệu chính thường được xây dựng định mức chi phí và cũng tiến hành quản lý theo định mức.

- Nguyên vật liệu phụ bao gồm bu lông, ốc vít...

Với đặc điểm hoạt động của ngành xây dựng nên yếu tố chi phí NVL thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm xây lắp của công ty, do đó việc hạch toán chi phí NVL và quản lý NVL vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty luôn chú trọng tới việc hạch toán quản lý nguyên vật liệu từ khâu thu mua, vận chuyển cho tới khi xuất dùng và trong cả quá trình sản xuất thi công ở công trường.

Công ty hầu hết phải mua ngoài các loại nguyên vật liệu theo giá thị trường. Với đặc điểm sản phẩm xây dựng có thời gian thi công kéo dài do đó giá nguyên vật liệu chịu ảnh hưởng lớn từ sự biến động cung cầu trên thị trường. Hiện nay công ty hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp theo phương pháp kê khai thường xuyên. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình theo giá thành thực tế của từng loại vật liệu. Giá nguyên vật liệu xuất dùng được tính theo giá thực tế đích danh. Tùy thuộc vào từng công trình cụ thể mà công ty mua NVL sử dụng cho công trình đó ngay tại nơi diễn ra công trình. Do đó nguyên vật liệu mua ngoài sử dụng ngay không qua kho.

Khi có nhu cầu mua vật tư sử dụng cho thi công, hợp đồng mua vật tư, dự toán công trình, kế hoạch cung cấp vật tư của quý, tháng phải được gửi cho ban lãnh đạo công ty xem xét, tính toán tính hợp lý, hợp lệ của tài liệu đó, giá cả vật tư rồi mới quyết định mua vật tư. Nếu được sự đồng ý, phê duyệt thì thủ quỹ sẽ xuất quỹ tạm ứng mua vật tư. Vật tư mua ngoài chủ yếu được chuyển thẳng tới công trường thi công và thuộc trách nhiệm quản lý của chủ nhiệm công trình thi công.

**Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hóa đơn thuế GTGT
- Phiếu giao nhận vật tư

**Tài khoản sử dụng:*

TK 621 :” Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

Hàng ngày khi nhận được các hóa đơn thuế GTGT, phiếu giao nhận vật tư, kế toán tiến hành kiểm tra, tính giá và phản ánh vào nhật ký chung. Cuối tháng căn cứ vào nhật ký chung, kế toán lập đồng thời sổ chi tiết tài khoản 621 (Chi phí NVL trực tiếp) riêng cho từng công trình và sổ cái tài khoản 621(chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) chung cho các công trình. Cuối kỳ, tập hợp chi phí NVL trực tiếp để tính giá thành cho từng công trình.

**Thực tế kế toán tại công ty:*

Mẫu biểu 1:**Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương****Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền****PHIẾU CHI** Số: 1**Nợ 621: 189.164.818***Ngày 14 tháng 9 năm 2007***Nợ 133:18.916.482****Có 111: 208.081.300**Họ tên người nhận tiền: **Phạm Văn Hiệp**Địa chỉ: **Phòng kỹ thuật**Lý do chi: **Thanh toán tiền đất Kavet TH cho CT cải tạo đường
trục xã Quang Trung.**Số tiền: **208.081.300 đồng**(Viết bằng chữ) Hai trăm linh tám triệu không trăm tám mươi một
nghìn ba trăm đồng.

Chứng từ kèm theo: Hóa đơn :BL/2007B 45454

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm linh tám triệu, không trăm tám
mươi một nghìn, ba trăm đồng.*Ngày 14 tháng 9 năm 2007*

Giám đốc	Kê toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Mẫu biểu 3:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 9 năm 2007

Chứng từ		Diễn giải	Ghi SC	TK	Số phát sinh	
SH	Ngày				Nợ	Có
PC1	04/09	Ttoán tiền xi măng CT Đăng Lâm + chi phí NVL trực tiếp + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	621 133 111	15.454.544 1.545.454	16.999.998
PC2	14/09	Thanh toán tiền đất Kavet TH công trình xã Quang Trung + Chi phí NVL trực tiếp + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	621 133 111	189.164.818 18.916.482	208.081.300
....
PC18	25/09	Thanh toán tiền cát đen công trình xã Quang Trung + Chi phí NVL trực tiếp + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	621 133 111	8.405.300 840.530	9.245.830
....
		Cộng số phát sinh			7.228.068.345	7.228.068.345

Ngày 30 tháng 09 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 4:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 621 –Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Công trình: sửa chữa đường trục xã Quang Trung

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		290.703.647	
14/09	PC2	14/09	Thanh toán tiền đất Kavet TH	111	189.164.818	
16/09	PC9	16/09	Thanh toán tiền nhựa nhũ tương	111	14.159.959	
.....	
19/09	PC12	19/09	Thanh toán tiền đá dăm 4x6 TH	111	2.065.135	
25/09	PC18	25/09	Thanh toán tiền cát đen	111	8.405.300	
			Cộng số phát sinh		221.492.439	
			Dư cuối kỳ		512.196.086	

Ngày 30 tháng 09 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 5:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương
Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 621 –Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			1.565.482.524
04/09	PC1	04/09	Ttoán tiền xi măng CT đường cáp 24KV...	111		15.454.544
14/09	PC2	14/09	Ttoán tiền đất Kavet CT xã Quang Trung	111		189.164.818
.....
17/09	PC11	17/09	Ttoán tiền thép CT cụm dân cư số 14....	111		25.675.000
25/09	PC18	25/09	Ttoán tiền cát đen CT xã Quang Trung	111		8.405.300
.....
			Cộng số phát sinh			768.738.260
			Dư cuối kỳ			2.334.220.784

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công:

Khoản mục cho chi phí nhân công trực tiếp tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành các công trình và hơn nữa có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động cũng như nghĩa vụ của đơn vị đối với người lao động. Do vậy hạch toán đúng đủ chi phí nhân công trực tiếp không chỉ góp phần vào việc tính toán hợp lý, chính xác giá thành công trình mà còn giúp thanh toán chi trả lương, tiền công kịp thời, khuyến khích, động viên người lao động.

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương tổ chức cơ cấu lao động bao gồm nhân công lao động trực tiếp và công nhân viên quản lý của công ty.

Công ty thực hiện 2 hình thức trả lương:

-Đối với nhân công trực tiếp lao động: là nhân công thuê theo thời vụ, do đó sẽ được tính lương khoán theo hợp đồng lao động ngắn hạn. Công ty sẽ lập hợp đồng thuê nhân công với nhà cung cấp lao động, quy định tổng tiền nhân công khoán cho 1 hạng mục công trình cụ thể dựa trên thỏa thuận thực hiện theo đúng kỹ thuật, thời gian, yêu cầu của công ty đối với hạng mục công trình đó. Sau khi khối lượng thuê ngoài được hoàn thành, bên công ty sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh toán theo khối lượng và đơn giá mà hai bên đã thỏa thuận trên hợp đồng thuê khoán. Bên cung cấp lao động sẽ xuất hóa đơn GTGT gửi cho công ty để công ty hạch toán chi phí. Công ty sẽ không phải tính lương, trích bảo hiểm, chấm công đối với công nhân trực tiếp lao động. Bên cung cấp lao động sẽ tự phân bổ tổng tiền nhân công mà công ty đã khoán cho công nhân khi thi công hạng mục công trình đó. Chi phí nhân công trực tiếp thi công được hạch toán vào tài khoản 622 (chi phí nhân công trực tiếp).

- Đối với nhân viên quản lý : công ty tính lương trên cơ sở hợp đồng lao động dài hạn dựa trên sự thỏa thuận, thống nhất giữa chủ lao động với người lao động, tùy thuộc vào tính chất, nội dung công việc. Mức tiền lương trả cho nhân viên quản lý trong hợp đồng có bao gồm các khoản trích BH. Công ty sẽ không có

các khoản lương làm thêm giờ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp bồi dưỡng, lương phép, phụ cấp ăn ca, thai sản.... Tiền lương trả cho nhân viên quản lý công ty hạch toán vào tài khoản 642 (chi phí quản lý doanh nghiệp) do đó không được tính vào chi phí và giá thành sản phẩm thi công.

** Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng thuê nhân công.
- Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Công ty hạch toán lương phải trả cho công nhân trực tiếp không sử dụng thông qua tài khoản 334 (phải trả công nhân viên) do nhân công trực tiếp của công ty là đi thuê. Cuối kỳ kế toán tổng hợp và hạch toán trực tiếp sang tài khoản 154 (chi phí kinh doanh dở dang) để tính giá thành và kết chuyển giá vốn công trình.

VD: Theo công trình sửa chữa và cải tạo đường trục xã Quang Trung đoạn đê từ sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên từ cọc 38 đến cọc D19, kế toán ghi nhận chi phí nhân công trực tiếp theo định khoản:

+ Chi phí thuê nhân công trực tiếp:

Nợ TK 622: **183.872.181**

Nợ TK 133: 18.387.218

Có TK 111, 112, 331: 202.259.399

+ Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp:

Nợ TK 154: **183.872.181**

Có TK 622: **183.872.181**

**Thực tế kế toán tại công ty:*

Mẫu biểu 6:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NHÂN CÔNG XÂY DỰNG*Số: 3 /HĐKT – 2007*

Công trình : Sửa chữa và cải tạo đường trục xã Quang Trung đoạn đê từ sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên từ cọc 38 đến cọc D19.

Tên công việc: Làm mặt đường.

Địa điểm : Xã Quang Trung – Huyện An Lão.

Hôm nay ngày 09 tháng 8 năm 2007 chúng tôi gồm có:

I. Bên giao khoán: (Bên A) Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương:

- Địa chỉ: Số 278 đường Đà Nẵng – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng
- Người đại diện: Ông Phạm Hữu Việt Chức vụ: Quản lý công trình
- Điện thoại: 0912161715
- CMTND số: 011651905 do Công an Hải Phòng cấp ngày 14/7/1980

II. Bên nhận khoán: (Bên B) Công ty cổ phần thương mại Việt Thắng

- Địa chỉ : Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng
 - Người đại diện: Đặng Văn Duyên Chức vụ: Đội trưởng
- Hai bên đã cùng nhau thỏa thuận khoán nhân công làm đường cho công trình sửa chữa và cải tạo đường trục xã Quang Trung đoạn đê từ sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên từ cọc 38 đến cọc D19 như sau:

Điều I:

Bên A giao khoán cho bên B làm đường cho công trình đường trục xã Quang Trung đoạn đê từ sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên từ cọc 38 đến cọc D19.

Bên B nhận khoán hạng mục trên như bản vẽ thiết kế mà bên A đã giao cho bên B xem xét.

Điều II: *Giá cả và hình thức thanh toán*

- Khoán gọn nhân công tính theo giá thỏa thuận.

- Được thanh toán bằng tiền mặt trong quá trình thi công, tiền ứng trước được tính theo hợp đồng thi công và bằng 50% khối lượng công việc đã hoàn thành.

Điều III: *Trách nhiệm của hai bên*

Bên A:

- Cử cán bộ kỹ thuật giám sát chất lượng thi công, tiến độ thi công và công tác an toàn lao động. Xác nhận khối lượng thi công để làm cơ sở nghiệm thu thanh quyết toán.

- Cung cấp đầy đủ vật tư vật liệu và các điều kiện thi công kịp thời để bên B không phải ngừng việc.

- Lo nơi ăn, ở cho công nhân bên B.

Bên B:

- Tổ chức lực lượng thi công đảm bảo chất lượng kỹ thuật, tiến độ thi công mà bên A yêu cầu.

- Cung cấp trang thiết bị đầy đủ các dụng cụ thi công và dụng cụ an toàn lao động trên công trường.

- Tổ trưởng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về an toàn lao động cho công nhân dưới sự chỉ huy của mình trên công trường và phải chịu mọi chi phí BHXH và các chi phí khác cho người lao động.

- Phần khối lượng nào đó sai sót kỹ thuật mà bên B gây ra phải phá đi làm lại thì bên B phải chịu bồi hoàn mọi chi phí đó.

Điều IV: *Tiến độ thi công*

Điều V: *Hiệu lực hợp đồng*

Điều VI: *Cam kết chung*

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Mẫu số 7:**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG*(V/v Thuê nhân công)***Căn cứ:**

Pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định ngày 16/01/1990 của Hội đồng bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

Hợp đồng kinh tế số 3/2007/HĐKT ngày 09/8/2007 giữa Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương với Công ty cổ phần thương mại Việt Thắng.

Hôm nay ngày 30 tháng 9 năm 2007 tại Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương. Chúng tôi gồm có:

I. BÊN GIAO KHOÁN: Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương:

- Địa chỉ: Số 278 đường Đà Nẵng – Quận Hồng Bàng – Hải Phòng
- Người đại diện: Ông Phạm Hữu Việt Chức vụ: Quản lý công trình
- Điện thoại: 0912161715

II. BÊN NHẬN KHOÁN: Công ty cổ phần thương mại Việt Thắng

- Địa chỉ : Phú Xá – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng
- Người đại diện: Đặng Văn Duyên Chức vụ: Đội trưởng

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế số 3/HĐKT với nội dung như sau:

1. Khối lượng giá trị thanh toán:

STT	Công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Làm mặt đường	100m ²	565,414	39.441	22.300.483
	Tổng cộng				22.300.483

(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, ba trăm nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng)

2. Phần thanh toán:

Tiền thuê nhân công: 22.300.483

Thuế GTGT (10%): 2.230.048

Tổng giá trị thanh toán là: 24.530.531

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu, ba trăm nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng số 3/HĐKT-2007 ngày 09/8/200. Hợp đồng kinh tế hết hiệu lực thực hiện kể từ ngày bên A thanh toán hết tiền cho bên B.

Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Mẫu biểu 9:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 9 năm 2007

Chứng từ		Diễn giải	Ghi SC	TK	Số phát sinh	
SH	Ngày				Nợ	Có
PC1	04/09	Ttoán tiền xi măng CT Đăng Lâm + chi phí NVL trực tiếp + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	621 133 111	15.454.544 1.545.454	16.999.998
.....
PC17	28/09	Thanh toán tiền thuê NC làm mặt đường CT xã Quang Trung + Chi phí nhân công trực tiếp + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	622 133 111	1.739.818 173.982	1.913.800
PC	30/09	Thanh toán tiền lương nhân viên + Chi phí quản lý doanh nghiệp + Tiền mặt	x x	642 111	15.000.000	15.000.000
....
PC20	30/09	Thanh toán tiền thuê NC làm mặt đường CT xã Quang Trung + Chi phí nhân công trực tiếp + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	622 133 111	22.300.483 2.230.048	24.530.531
....
		Cộng số phát sinh			7.228.068.345	7.228.068.345

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 10:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương
Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 622 –Chi phí nhân công trực tiếp.

Công trình: sửa chữa đường trục xã Quang Trung

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		120.606.387	
....	
14/09	PC11	14/09	Thanh toán tiền thuê NC đắp đất	111	14.741.870	
28/09	PC17	28/09	Thanh toán tiền thuê NC làm mặt đường	111	1.739.818	
30/09	PC20	30/09	Thanh toán tiền thuê NC làm mặt đường	111	22.300.483	
....	
			Cộng số phát sinh		63.265.794	
			Dư cuối kỳ		183.872.181	

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 11:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		526.542.938	
04/09	PC4	04/09	Ttoán tiền NC công trình khu dệt may ND...	111	30.000.000	
04/09	PC5	04/09	Ttoán tiền NC công trình xã Quang Trung	111	14.741.870	
.....	
28/09	PC17	28/09	Ttoán tiền NC công trình xã Quang Trung	111	1.739.818	
30/09	PC20	30/09	Ttoán tiền NC công trình xã Quang Trung	111	22.300.483	
.....	
			Cộng số phát sinh		148.952.874	
			Dư cuối kỳ		675.495.812	

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công:

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về vật liệu, nhân công và các khoản chi phí khác có liên quan đến việc sử dụng máy thi công để phục vụ tại các công trình mà công ty thi công.

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương là công ty mới thành lập, chưa có nhiều các thiết bị xây dựng và máy thi công. Phần lớn các công trình mà công ty thi công phân bố rải rác nhiều nơi do đó hầu hết các thiết bị, máy thi công của công ty được thuê ngoài. Hàng ngày, cán bộ kỹ thuật công trình sẽ tiến hành theo dõi tình hình hoạt động của máy ghi vào bản xác nhận giờ máy làm việc hoặc nhật trình hoạt động máy thi công và biên bản xác nhận giờ máy làm việc có chữ ký của bên đại diện cho thuê và cán bộ kỹ thuật để làm căn cứ xác nhận số giờ máy thanh toán cho bên cho thuê. Với việc đi thuê máy móc thiết bị thi công, công ty sẽ không phải tiến hành việc trích khấu hao sử dụng máy thi công. Việc tính và trích khấu hao sẽ do bên cho thuê chịu trách nhiệm.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi, hợp đồng thuê máy, các chứng từ có liên quan đến việc thuê máy thi công, kế toán sẽ tiến hành phản ánh vào sổ nhật ký chung, từ đó lập đồng thời sổ chi tiết tài khoản 623 (Chi phí sử dụng máy thi công) riêng cho từng công trình và sổ cái tài khoản 623 (chi phí sử dụng máy thi công) chung cho các công trình. Cuối kỳ, tập hợp chi phí sử dụng máy thi công để tính giá thành cho từng công trình.

**Tài khoản kế toán sử dụng:*

TK 623: “Chi phí sử dụng máy thi công”

VD: Theo công trình sửa chữa và cải tạo đường trục xã Quang Trung đoạn đê từ sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên từ cọc 38 đến cọc D19, kế toán ghi nhận chi phí sử dụng máy thi công theo định khoản:

+ Chi phí thuê máy thi công:

Nợ TK 623: 40.349.138

Nợ TK 133: 4.034.914

Có TK 111: 44.384.052

+ Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công:

Nợ TK 154: 40.349.138

Có TK 623: 40.349.138

**Thực tế kế toán tại công ty:*

Mẫu biểu 13:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 9 năm 2007

Chứng từ		Diễn giải	Ghi SC	TK	Số phát sinh	
SH	Ngày				Nợ	Có
.....
PC3	06/09	Thanh toán tiền máy bơm CT xã Quang Trung + Chi phí sử dụng máy thi công + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	623 133 111	4.716.750 471.675	5.188.425
.....
PC21	20/09	Thanh toán tiền thuê máy lu CT xã Quang Trung + Chi phí sử dụng máy thi công + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	623 133 111	9.001.816 900.182	9.901.998
PC22	27/09	Ttoán tiền dầu – đường vào kho nông sản + Chi phí sử dụng máy thi công + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	623 133 111	1.985.454 198.546	2.184.000
....
		Cộng số phát sinh			7.228.068.345	7.228.068.345

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 14:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN*Tháng 9 năm 2007*

Tài khoản 623–Chi phí sử dụng máy thi công

Công trình: sửa chữa đường trục xã Quang Trung

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		15.576.229	
.....	
06/09	PC3	06/09	Thanh toán tiền máy bơm	111	4.716.750	
07/09	PC8	07/09	Thanh toán tiền máy xúc	111	2.333.897	
.....	
20/09	PC21	20/09	Thanh toán tiền thuê máy lu	111	9.001.816	
.....	
			Cộng số phát sinh		24.772.909	
			Dư cuối kỳ		40.349.138	

*Ngày 30 tháng 9 năm 2007***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Thủ trưởng đơn vị***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu biểu 15:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 623 – Chi phí sử dụng máy thi công.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		148.154.246	
06/09	PC3	06/09	Ttoán tiền máy bơm CT xã Quang Trung	111	4.716.750	
07/09	PC7	07/09	Ttoán tiền máy xúc CT khu dệt may ND...	111	3.678.646	
07/09	PC8	07/09	Ttoán tiền máy xúc CT xã Quang Trung	111	2.333.897	
.....	
20/09	PC21	20/09	Ttoán tiền máy lu CT xã Quang Trung	111	9.001.816	
27/09	PC22	27/09	Ttoán tiền dầu – đường vào khu nông sản	111	1.985.454	
.....	
			Cộng số phát sinh		70.138.954	
			Dư cuối kỳ		218.293.200	

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung:

Tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương có các khoản chi phí sau được tính là chi phí sản xuất chung:

- + Chi phí vật liệu dùng cho công tác quản lý
- + Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ quản lý sản xuất, máy thi công như: điện, nước, điện thoại, fax....
- + Chi phí bằng tiền khác như: chi phí giao dịch, tiếp khách,....

**Tài khoản sử dụng:*

TK 627: “ Chi phí sản xuất chung”

* Chi phí vật liệu dùng cho công tác quản lý:

Công ty sử dụng tài khoản 6272 để hạch toán chi phí vật liệu dùng cho công tác quản lý. Nó bao gồm các khoản chi phí vật liệu dùng để sửa chữa công cụ, dụng cụ, chi phí vật liệu phục vụ làm trại tạm thời,...

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi,...kế toán tiến hành phản ánh vào sổ nhật ký chung, từ đó ghi đồng thời vào sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 6272

* Kế toán chi phí công cụ, dụng cụ:

Công cụ, dụng cụ của công ty bao gồm: xà beng, cuốc, xẻng, khoan điện, kìm, dây da an toàn, mỏ lết,.... Chi phí công cụ, dụng cụ được hạch toán vào tài khoản 6273

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, hóa đơn mua hàng, phiếu chi,...kế toán tiến hành phản ánh vào sổ nhật ký chung, từ đó ghi đồng thời vào sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 6273

* Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh bao gồm tiền điện, nước, điện thoại, tiền photo, mua tài liệu.... Tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí dịch vụ mua ngoài là TK 6277.

Căn cứ vào hóa đơn thanh toán với người cung cấp dịch vụ, phiếu chi,... kế toán tiến hành phản ánh vào sổ nhật ký chung, từ đó ghi đồng thời vào sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 6277.

* Chi phí bằng tiền khác:

Chi phí bằng tiền khác bao gồm các khoản chi cho tiếp khách đến công trường, chi phí giao dịch, chi bãi thầu,... Tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí bằng tiền khác là TK 6278.

Căn cứ vào hóa đơn thanh toán, phiếu chi, hóa đơn GTGT... kế toán tiến hành phản ánh vào sổ nhật ký chung, từ đó ghi đồng thời vào sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 6278.

**Thực tế kế toán tại công ty:*

Mẫu biểu 16:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 9 năm 2007

Chứng từ		Diễn giải	Ghi SC	TK	Số phát sinh	
SH	Ngày				Nợ	Có
PC1	04/09	T toán tiền xi măng CT Đăng Lâm + chi phí NVL trực tiếp + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	621 133 111	15.454.544 1.545.454	16.999.998
.....
PC6	06/09	Thanh toán tiền VL làm lán trại ở CT xã Quang Trung + Chi phí sản xuất chung + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	6272 133 111	1.095.000 109.500	1.204.000
PC9	07/09	Thanh toán tiền thuê công cụ, dụng cụ CT xã Quang Trung + Chi phí sản xuất chung + Thuế GTGT được khấu trừ + Tiền mặt	x x x	6273 133 111	1.245.364 124.536	1.369.900
.....
PC19	25/09	Thanh toán tiền tiếp khách + Chi phí sản xuất chung + Tiền mặt	x x	6278 111	356.248	356.248
.....
		Cộng số phát sinh			7.228.068.345	7.228.068.345

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 17:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 627–Chi phí sản xuất chung

Công trình: sửa chữa đường trục xã Quang Trung

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		42.426.343	
06/09	PC6	06/09	Chi tiền vliệu làm lán trại cho CN	111	1.095.000	
07/09	PC9	07/09	Thanh toán tiền công cụ dụng cụ	111	1.245.364	
.....	
25/09	PC19	25/09	Thanh toán tiền tiếp khách	111	356.248	
.....	
			Cộng số phát sinh		8.235.492	
			Dư cuối kỳ		50.661.835	

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 18:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương
Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 627 –Chi phí sản xuất chung.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ		92.365.812	
06/09	PC6	06/09	Chi vật liệu làm lán CT xã Quang Trung	111	1.095.000	
07/09	PC9	07/09	Ttoán tiền cc, dc CT xã Quang Trung	111	1.245.364	
10/09	PC11	10/09	Ttoán tiền cc, dc CT khu dệt may ND...	111	2.654.127	
.....	
25/09	PC19	25/09	Ttoán tiền tiếp khách CT xã Quang Trung	111	356.248	
.....	
			Cộng số phát sinh		11.648.666	
			Dư cuối kỳ		104.014.478	

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ:

Cuối năm, công ty thực hiện tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm cho từng công trình, rồi trên cơ sở đó tính toán ra tổng chi phí sản xuất phát sinh của cả công ty. Mỗi hạng mục công trình đều được mở sổ chi tiết theo dõi chi phí sản xuất phát sinh theo từng khoản mục chi phí để làm cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm sau này.

**Tài khoản sử dụng:*

TK 154: “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Kế toán tổng hợp cộng số liệu trên cột bên Nợ của các sổ cái TK 621, 622, 623, 627 vào sổ cái và sổ chi tiết TK 154. Công trình cải tạo đường trục xã Quang Trung đoạn từ đê sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên được tập hợp chi phí trong năm 2007 như sau:

Nợ TK 154: 787.079.240

Có TK 621: 512.196.086

Có TK 622: 183.872.181

Có TK 623: 40.349.138

Có TK 627: 50.661.835

**Thực tế kế toán tại công ty:*

Mẫu biểu 19:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương
Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 154–Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Công trình: sửa chữa đường trục xã Quang Trung

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
30/09		30/09	Kc chi phí NVL trực tiếp	621	512.196.086	
30/09		30/09	Kc chi phí nhân công trực tiếp	622	183.872.181	
30/09		30/09	Kc chi phí sử dụng máy thi công	623	40.349.138	
30/09		30/09	Kc chi phí sản xuất chung	627	50.661.835	
30/09		30/09	Kc chi phí thực tế CT bàn giao	632		787.079.240
			Cộng số phát sinh		787.079.240	787.079.240
			Dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 20:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
30/09		30/09	Kc chi phí NVL trực tiếp	621	2.334.220.784	
30/09		30/09	Kc chi phí nhân công trực tiếp	622	675.495.812	
30/09		30/09	Kc chi phí sd máy thi công	623	218.293.200	
30/09		30/09	Kc chi phí sản xuất chung	627	104.014.478	
30/09		30/09	Kc chi phí thực tế CT bàn giao	632		3.332.024.274
			Cộng số phát sinh		3.332.024.274	3.332.024.274
			Dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương:

Trong hoạt động xây lắp, việc xác định giá trị công tác xây lắp dở dang phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng công tác xây lắp hoàn thành đã ký kết với chủ đầu tư. Đánh giá sản phẩm dở dang là một khâu quan trọng trong công

tác tính giá thành thành phẩm. Đánh giá sản phẩm dở dang chính xác là điều kiện để tính giá thành thành phẩm đúng đắn và hợp lý. Việc đánh giá sản phẩm dở dang tại Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương được tiến hành như sau:

* Trong điều kiện được thanh toán khối lượng hoàn thành theo giai đoạn xây dựng có dự toán riêng, những công trình, hạng mục công trình được quy định thanh toán theo từng giai đoạn xây dựng, lắp đặt thì những giai đoạn dở dang chưa bàn giao, thanh toán là sản phẩm dở dang.

$$\text{Giá trị dự toán của khối lượng dở dang cuối kỳ} = \text{Khối lượng dở dang} \times \text{Đơn giá dự toán}$$

Từ đó kế toán xác định chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Chi phí thực} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Giá trị dự} \\ \text{tế khối lượng} & & \text{khối lượng dở} & + & \text{KLXL thực tế} & & \text{toán của} \\ \text{dở dang cuối} & = & \text{dang đầu kỳ} & & \text{phát sinh trong kỳ} & & \text{toán của} \\ \text{kỳ của công} & & & & & & \text{KLXL dở} \\ \text{trình} & & \text{Giá trị dự toán của} & & \text{Giá trị dự toán của} & \times & \text{dang cuối} \\ & & \text{KLXL hoàn thành} & + & \text{KLXL dở dang} & & \text{kỳ} \\ & & \text{bàn giao trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} & & \end{aligned}$$

* Trong điều kiện tính toán hoàn thành khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn tất được bàn giao thì đối tượng tính giá là công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Vì vậy khi có công trình chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất tập hợp được từ khi bắt đầu khởi công thi công công trình cho đến thời điểm đánh giá sản phẩm dở dang đều được coi là chi phí dở dang.

Cuối năm 2007, công trình cải tạo đường trục xã Quang Trung đoạn từ đê sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên hoàn thành bàn giao không có khối lượng dở dang.

2.4. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương:

- Xuất phát từ đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản, của sản phẩm xây lắp và tình hình thực tế của công ty mà đối tượng tính giá thành sản phẩm cũng là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Giá thành sản phẩm xây lắp là từng công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành.

- Kỳ tính giá thành mà công ty thực hiện là theo từng năm. Tùy theo các phần khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao theo kế hoạch hoặc theo hợp đồng ký kết, căn cứ vào tiến độ thực tế của công ty mà thực hiện bàn giao thanh toán từng khối lượng hoàn thành theo từng công trình.

- Phương pháp tính giá thành: Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành trực tiếp. Toàn bộ chi phí thực tế phát sinh cho từng công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao chính là giá thành thực tế của từng công trình đó.

Với mỗi công trình hoàn thành, kế toán căn cứ vào các chi phí tập hợp được, tiến hành tính giá thành cho từng công trình, hạng mục công trình, từng khối lượng công việc hoàn thành trong kỳ sau đó phản ánh vào sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết các TK 154 (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang), TK 632 (giá vốn hàng bán)... Phương pháp tính giá thành sản phẩm tại công ty là phương pháp tính giá thành trực tiếp.

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thành thực tế KLXL} & & \Sigma \text{ chi phí phát sinh trong} \\ \text{hoàn thành bàn giao} & = & \text{các kỳ} \end{array}$$

Đối với công trình cải tạo đường trục xã Quang Trung đoạn từ đê sông Văn Úc đến ngã ba Cát Tiên thì giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao năm 2007 là:

Nợ TK 632: 787.079.240

Có TK 154: 787.079.240

**Thực tế kế toán tại công ty:*

Mẫu biểu 21:

Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương

Số SF Vạn Mỹ - Ngô Quyền

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 9 năm 2007

Tài khoản 632–Giá vốn hàng bán

Công trình: sửa chữa đường trục xã Quang Trung

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
30/09		30/09	XĐ giá vốn công trình	154	787.079.240	
30/09		30/09	Kết chuyển giá vốn công trình	911		787.079.240
			Cộng số phát sinh		787.079.240	787.079.240
			Dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 9 năm 2007

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III:**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG
TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH
GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
DỊCH VỤ VẬN TẢI HIỆP PHƯƠNG.****I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH
GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
DỊCH VỤ VẬN TẢI HIỆP PHƯƠNG:**

Cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất nói chung và công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương nói riêng đã vượt qua những bờ ngõ, khó khăn ban đầu để bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường trước sự cạnh tranh gay gắt diễn ra ở cả 2 mặt: cạnh tranh về chất lượng và cạnh tranh về giá cả. Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì hoạt động sản xuất kinh doanh của mình phải mang hiệu quả kinh tế xã hội, phải lấy thu nhập bù đắp chi phí và có lợi nhuận.

Trong điều kiện giá bán trên thị trường chịu sự khống chế của quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, để có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp cần phải quan tâm đến chỉ tiêu chi phí giá thành. Nhờ có sự nhạy bén và linh hoạt trong công tác quản lý, công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương đã đứng vững, không ngừng phát triển và đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường. Nhìn chung công ty đã hoàn thành tốt công tác sản xuất, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý hóa sản xuất, nghiên cứu, vận dụng các biện pháp quản lý kinh tế, công tác kế toán nói chung và công tác tập hợp chi phí sản xuất nói riêng, công ty đã có nhiều cố gắng nhằm đáp ứng nhu cầu giám sát thi công, quản lý kinh tế.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, lần đầu được làm quen với thực tế công tác kế toán, em xin mạnh dạn đưa ra 1 số đánh giá về ưu điểm và những tồn

tại cần tiếp tục hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương như sau:

1.1. Những ưu điểm trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở công ty xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương:

Qua quá trình tìm hiểu về công tác quản lý kế toán nói chung và công tác quản lý kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng, em nhận thấy công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương là một đơn vị hạch toán độc lập thuộc quyền quản lý của Nhà nước và công ty xây dựng và phát triển hạ tầng. Công ty đã xây dựng được mô hình quản lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường và sự chủ động trong kinh doanh. Bộ phận kế toán của công ty đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép, phương pháp kế toán một cách hợp lý, khoa học, phù hợp với yêu cầu, mục đích của chế độ kế toán mới, tổ chức công tác kế toán rõ ràng, khoa học.

a) Về công tác quản lý:

Trong thời gian thực tập tại Công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương em nhận thấy cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế thị trường, công ty đã có những biến đổi để luôn thích ứng với một nền kinh tế mới. Là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, tuy gặp nhiều rất khó khăn nhưng với sự năng động của bộ máy quản lý cùng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn công ty đến nay công ty đã dần dần khắc phục được mọi khó khăn và hoạt động bước đầu mang lại hiệu quả cao. Công ty ngày càng nâng cao uy tín trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đảm bảo đứng vững trong cạnh tranh và phát triển theo điều kiện hiện nay.

Các phòng ban chức năng của công ty đã được tổ chức sắp xếp lại cho phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty để phục vụ công tác sản xuất được nâng cao hơn. Cùng với quá trình chuyển đổi ấy, hệ thống công tác sản xuất được nâng cao hơn, hệ thống công tác kế toán tài chính của Công ty không ngừng cải thiện cả về cơ cấu lẫn phương pháp hạch toán

b) Về công tác kế toán:

Để bắt nhịp được với sự phát triển của ngành xây dựng cơ bản thì bộ máy kế toán của công ty phải thực sự vững mạnh và phát triển. Nhận thức được một cách đúng đắn vai trò to lớn của tổ chức công tác kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm đến việc nghiên cứu tìm ra những biện pháp cụ thể để quản lý chi phí sản xuất nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa biện pháp quản lý với tình hình thực tế của công ty và yêu cầu của chế độ quản lý kinh tế hiện nay.

****Về bộ máy kế toán:***

Công ty chủ động xây dựng bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, mọi công việc kế toán đều tập trung tại phòng kế toán tại công ty. Việc áp dụng mô hình này đảm bảo được sự lãnh đạo tập trung thống nhất; kiểm tra, cung cấp thông tin một cách kịp thời; thuận tiện trong việc phân công công việc; dễ dàng ứng dụng, sử lý thông tin trên máy. Đồng thời, do bộ máy tổ chức gọn nhẹ nên đã tiết kiệm được chi phí hạch toán.

Việc phân chia nhiệm vụ trong bộ máy kế toán của công ty có tính khoa học cao, đảm bảo sự nhịp nhàng giữa các bộ phận, giúp cho việc phản ánh kịp thời các thông tin kế toán, công tác giám sát, kiểm tra chặt chẽ, chính xác, khách quan, từ đó giúp cho việc đưa ra quyết định một cách đúng đắn.

Phòng kế toán của công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương với đội ngũ nhân viên có trình độ, năng lực, có thời gian công tác chuyên ngành lâu năm từ các đơn vị khác chuyển về, sự nhiệt tình tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc và công ty, trung thực đã góp phần không nhỏ vào công tác giám sát và quản lý chi phí của công ty.

**** Về tổ chức công tác kế toán:***

Công ty đã nhanh chóng tiếp cận chế độ kế toán mới, tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và tình hình phân cấp quản lý tài chính của doanh nghiệp, đảm bảo phản ánh kịp thời, đầy đủ các hoạt động kinh tế tài chính phát sinh, cung cấp thông tin phục vụ cho quản lý.

Từ công việc kế toán ban đầu, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các chứng từ gốc được tiến hành khá cẩn thận, đảm bảo số liệu kế toán có căn cứ pháp lý, tránh được sự phản ánh sai lệch của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán. Việc lập và luân chuyển chứng từ gốc theo đúng chế độ hiện hành, cung cấp kịp thời số liệu cho kế toán kịp thời cập nhật vào sổ sách.

Hệ thống sổ sách đầy đủ, đúng quy định.

Sổ chi tiết được lập trên cơ sở các nhu cầu về quản lý của công ty và đảm bảo được quan hệ đối chiếu với sổ tổng hợp.

Công ty hạch toán vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên đúng như trong chế độ quy định.

** Về bộ máy quản lý của công ty:*

Công ty có bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả cao cho ban lãnh đạo của công ty trong việc giám sát thi công, quản lý kinh tế, công tác sản xuất, tổ chức hạch toán được tiến hành phù hợp với khoa học hiện nay. Đặc biệt là phân công theo chức năng, nhiệm vụ của từng người rõ ràng. Các phòng ban thường xuyên trao đổi thông tin báo cáo kịp thời phục vụ cho cấp trên trong việc đưa ra quyết định chính xác.

** Về đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:*

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương là công trình mang tính đơn chiếc, mỗi công trình có dự toán riêng và yêu cầu quản lý theo dự toán, kế toán đã xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công trình, hạng mục công trình. Kết quả là việc tổ chức hạch toán chi phí sản xuất từng công trình thi công trong từng thời kỳ luôn rõ ràng, đơn giản, phục vụ tốt cho công tác chỉ đạo về chi phí sản xuất, quản lý giá thành và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

** Về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:*

Công ty luôn áp dụng kịp thời chế độ kế toán mới vào công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

Hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức đầy đủ, hợp lệ và hợp pháp tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hạch toán chi phí sản xuất và phân bổ cho từng công trình. Các chứng từ thu thập được không chỉ giúp công tác quản lý chi phí sản xuất mà tạo điều kiện cho việc giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm mà kế toán của công ty đang áp dụng là phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ sản xuất của công ty. Đồng thời đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhanh gọn, chính xác. Việc tập hợp chi phí thành 4 khoản mục đã đáp ứng được yêu cầu quản lý, tổ chức ở công ty, phù hợp với mô hình chung của quản lý xây dựng, đồng thời tiết kiệm được các khoản chi phí không cần thiết trong quá trình thi công công trình. Từ đó phản ánh 1 cách trung thực chi phí sản xuất bỏ ra và hiệu quả kinh tế đối với từng công trình, hạng mục công trình.

1.2. Một số tồn tại cần hoàn thiện trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương:

Bên cạnh những kết quả đạt được nổi bật của công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng, hiện tại công ty vẫn còn nhiều tồn tại và khó khăn cần khắc phục.

- Công ty có địa bàn hoạt động rộng, các công trình thi công được tiến hành ở khắp các địa phương, các tỉnh thành nên việc luân chuyển chứng từ bị chậm trễ là điều không thể tránh khỏi. Dẫn đến khối lượng công việc dồn đến cuối kỳ. Nhiều khi việc hạch toán không kịp thời thường dẫn đến sai sót, kém chính xác, không đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý nói chung và quản lý chi phí giá thành nói riêng. Tại công ty đã có những sai sót không đáng có như ghi thiếu, ghi

nhằm làm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo ra quyết định và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Với đặc thù riêng là ngành xây dựng cơ bản mà đối với công ty xây lắp thì chi phí nguyên vật liệu chiếm một vị trí quan trọng, nếu như việc quản lý nguyên vật liệu không chặt chẽ ở mỗi công trình thì sẽ mang lại những tổn thất nghiêm trọng cho nguồn tài sản của Công ty. Chính vì vậy việc quản lý phải hết sức chặt chẽ tiết kiệm việc tiêu hao chi phí ở mỗi công trình, phải quản lý sát sao, việc tồn đọng nguyên vật liệu sau khi hoàn thành công trình sẽ gây lãng phí, ứ đọng vốn, Mặt khác phải gắn được trách nhiệm của công nhân thi công công trình với việc làm của mình thì Công ty sẽ khắc phục được những kẽ hở có thể gây lãng phí, làm tăng chi phí, làm tăng giá thành sản phẩm.

- Nhân công trực tiếp thi công của công ty chủ yếu là thuê khoán theo thời vụ thông qua hợp đồng thuê lao động và hóa đơn giá trị gia tăng để hạch toán giá trị lao động. Với việc trả lương cho công nhân theo hình thức khoán theo hợp đồng của công ty có ưu điểm là quá trình hạch toán đơn giản. Tuy nhiên vẫn có nhiều mặt hạn chế: không tạo động lực cho công nhân phát huy hết khả năng, ý thức trách nhiệm đối với công ty, người lao động sẽ không gắn bó lâu dài với công ty...

- Công ty không mua sắm đủ các máy móc, thiết bị phục vụ cho thi công công trình mà hoàn toàn đi thuê điều này là chưa thật sự hợp lý. Chi phí sử dụng máy thi công cho mỗi công trình là rất lớn. Do vậy việc tiết kiệm được chi phí máy thi công cũng như để giảm chi phí xây dựng công trình, hạ giá thành là không đơn giản.

III. MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP Ở CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HIỆP PHƯƠNG:

Hiện nay, xu hướng hội nhập cùng với toàn cầu đang diễn ra ngày một mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực. Trong đó, lĩnh vực kế toán là một công cụ quan trọng

trong công tác quản lý kinh tế giúp cho các doanh nghiệp phát triển và thành đạt. Chính vì vậy Nhà nước ta vẫn đang tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng dẫn kế toán để có một xu hướng phù hợp với tiêu chuẩn chung của chuẩn mực quốc tế. Mục tiêu của nhà nước chỉ tạo ra khung pháp lý để các doanh nghiệp tự tìm ra và áp dụng các phương pháp hạch toán phù hợp với đặc thù của mình đồng thời tối đa hoá khả năng sử dụng thông tin cho các đối tượng. Đứng trước những thay đổi đó công ty nên có các biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị mình, cập nhật các chuẩn mực kế toán mới, các thông tư hướng dẫn vào công tác kế toán của doanh nghiệp, áp dụng những tiên bộ khoa học vào trong công tác kế toán. Do vậy tính tất yếu đối với công ty là phải hoàn thiện công tác kế toán để phù hợp với chuẩn mực chung của quốc tế, giúp cho công ty hoà nhập chung với sự phát triển chung của thế giới và có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty, nhìn chung công tác kế toán cũng đã đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác quản lý. Tuy nhiên trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành còn một số điểm chưa hợp lý.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, qua thời gian thực tập không dài ở Công ty và những kiến thức được trang bị ở trường Em xin đề xuất một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm mong được Công ty xem xét như sau:

*** Ý kiến 1: Hạch toán chi phí nguyên vật liệu:**

- Đối với công ty xây lắp thì chi phí nguyên vật liệu chiếm một vị trí quan trọng, do đó công ty cần có những biện pháp tiết kiệm vật tư, giảm chi phí, hạ giá thành. Tiết kiệm vật tư không có nghĩa là làm cắt xén khối lượng vật liệu đã được định mức cho từng công trình, hạng mục công trình mà là làm giảm hao hụt, trong đó có quá trình bảo quản, thi công, giảm chi phí vận chuyển.

Để tiết kiệm được chi phí này, công ty nên chú ý những vấn đề sau:

+ Cố gắng giảm bớt tối thiểu mức hao hụt trong bảo quản, thi công và vận chuyển.

+ Nắm chắc tình hình biến động của giá cả thị trường về nguyên vật liệu, kiểm tra hóa đơn vật tư do nhân viên cung ứng mang về, thay thế một số vật liệu có thể giảm chi phí mà vẫn không ảnh hưởng đến chất lượng công trình...

- Công ty nên thiết lập một mạng lưới các nhà cung cấp vật liệu có uy tín, có khả năng đáp ứng yêu cầu cung cấp vật tư ở mọi nơi, mọi lúc. Điều này cho phép đảm bảo đúng tiến độ thi công công trình, giảm chi phí bảo quản, giảm chi phí ứ đọng hàng tồn kho mà khi cần, vật tư vẫn được cung cấp đầy đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng cho công trình. Bên cạnh đó công ty cần xác định rõ nhu cầu sử dụng, tính toán chính xác khối lượng, số lượng vật tư cần thiết rồi mới vận chuyển đến chân công trình. Điều này giúp công ty cắt giảm được một khoản chi phí rất lớn từ phí vận chuyển vật liệu, vật tư đến chân công trình mà vẫn đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng công trình, tạo điều kiện tiết kiệm chi phí đồng thời thực hiện mục tiêu giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

*** Ý kiến 2: Hạch toán chi phí nhân công:**

- Hiện tại nhân công, công nhân viên quản lý trong công ty chủ yếu là do thuê khoán. Đây là hạn chế lớn của công ty. Công ty nên tổ chức tuyển dụng, đào tạo nhân viên làm việc lâu dài cho công ty. Việc hạch toán tiền lương có ý nghĩa rất quan trọng. Tiền lương có vai trò như một đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động ngày càng cống hiến nhiều hơn cho doanh nghiệp, tạo động lực cho người lao động phát huy hết khả năng, ý thức trách nhiệm đối với công ty. Người lao động sẽ gắn bó lâu dài với công ty và cống hiến hết mình vì sự nghiệp phát triển của công ty, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh. Công ty phải trích các khoản trích theo lương, lập quỹ các khoản thưởng, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp bồi dưỡng, lương phép, phụ cấp, ăn ca, thai sản.... theo quy định của nhà nước. Nếu doanh nghiệp thực hiện tốt công tác trả lương và có biện pháp động viên khích lệ người lao động về mặt vật chất thì tiền lương là động lực thúc đẩy họ làm việc hết

mình cho công ty. Bên cạnh đó nó có vai trò trong quản lý lao động. Công ty trả lương cho người lao động không chỉ bù đắp những hao phí lao động đã bỏ ra mà còn thông qua tiền lương để kiểm tra, giám sát thái độ, tinh thần lao động để đảm bảo hiệu quả công việc. Để đạt được mục tiêu lợi nhuận cao doanh nghiệp phải quản lý lao động tốt để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành.

- Lương cho cán bộ quản lý các đội được hạch toán trực tiếp vào tài khoản 642 (chi phí quản lý doanh nghiệp) là chưa đúng. Công ty nên hạch toán sang tài khoản 6271 (chi phí sản xuất chung). Với việc hạch toán như vậy sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự chính xác và đầy đủ trong quá trình tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, làm giảm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm giảm. Đồng thời ảnh hưởng tới độ chính xác thông tin cung cấp cho giám đốc.

*** Ý kiến 3: Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:**

Hiện tại Công ty chưa mua sắm đủ các máy móc, thiết bị thi công phục vụ cho các công trình. Các máy móc, thiết bị chủ yếu đi thuê ngoài dẫn đến chi phí sử dụng máy thi công rất lớn. Bên cạnh đó giá cả thị trường với hầu hết các mặt hàng đều tăng. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc tiết kiệm chi phí xây dựng cũng như công tác giảm chi phí xây dựng công trình, hạ giá thành sản phẩm. Do đó, Công ty nên đầu tư mua sắm các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc thi công. Với nhu cầu phải sử dụng máy thường xuyên, thi công nhiều công trình, việc đầu tư này sẽ giúp cho công ty tiết kiệm được những khoản chi phí không nhỏ từ việc thuê ngoài máy thi công sử dụng cho công trình. Hàng tháng kế toán tại công ty sẽ theo dõi thời gian hoạt động thi công và trích khấu hao cho những máy móc thiết bị đó, đồng thời tính toán chính xác và phản ánh đầy đủ chi phí liên quan đến sử dụng máy thi công vào sổ sách để cuối kỳ kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành công trình thi công. Điều này sẽ giúp công ty giảm được chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

KẾT LUẬN

Một doanh nghiệp chỉ có thể đứng vững và phát triển mạnh mẽ khi biết cách điều hoà hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Điều này chứng tỏ công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác kế toán ở các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp xây lắp. Tập hợp chi phí sản xuất một cách chính xác, tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm không những góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác về giá bán nhằm thu được lợi nhuận tối đa mà còn đóng góp vai trò quan trọng trong việc quản lý tình hình cấp phát và sử dụng vốn, tăng quy mô phát triển sản xuất mang lại hiệu quả năm sau cao hơn năm trước, nâng cao đời sống của người lao động.

Để thị trường chấp nhận sản phẩm của mình, có điều kiện cạnh tranh với sản phẩm của các doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp phải đảm bảo được chất lượng công trình, giá thành hạ. Vì vậy tổ chức kế toán phù hợp và chính xác chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí giá thành, góp phần quản lý vật tư, lao động tiền vốn có hiệu quả.

Trong thời gian thực tập tại công ty CP xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương, được hoà nhập với thực tế, hiểu được phần nào về công tác kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng ở mỗi doanh nghiệp thực sự quan trọng và là một nhân tố góp phần quyết định cho sự tồn tại và vị trí của doanh nghiệp trong điều kiện thị trường hiện nay.

Do trong quá trình tiếp cận với thực tế còn nhiều hạn chế, trình độ có hạn nên trong bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự quan tâm đóng góp, chỉ bảo của các Thầy Cô giáo, các Anh Chị cán bộ phòng kế toán công ty để em hoàn thiện hơn nữa về chuyên đề này.

Em xin chân thành cảm ơn thầy Dương Văn Biên và các anh chị phòng kế toán công ty Cổ phần xây dựng và dịch vụ vận tải Hiệp Phương đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 14 tháng 6 năm 2009

Sinh viên

Trần Thị Thu Hà

